

VỢ NHẬT

(Kim Lân)

Với truyện ngắn Vợ nhật, các em ôn theo dạng câu hỏi như sau :

- Dạng 1 : Cảm nhận hình tượng nhân vật
 Truyện ngắn này cả 3 nhân vật đều có khả năng thì vào : Bà cụ Tứ, Tràng, người vợ nhật. Trong đó Bà cụ Tứ thì xác xuất nhiều hơn.
- Dạng 2 : Cảm nhận về đoạn trích trong bài Vợ nhật

Các em chú ý mấy đoạn sau :

- Cảm nhận đoạn trích: “Cái đói đã tràn đến xóm này tự lúc nào[...]Thị có vẻ rón rén, e thẹn”.
- Cảm nhận đoạn trích: “Thị lẳng lặng theo hắn vào trong nhà [...] ấy thế mà thành vợ thành chồng”.
- Cảm nhận tâm trạng bà cụ Tứ qua đoạn trích: “Ngoài ngõ có tiếng người húng hắng ho[...]nước mắt chảy xuống ròng ròng”.
- Cảm nhận đoạn trích: “Sáng hôm sau mặt trời lên bằng con sào [...] tu sửa lại căn nhà”.
- Cảm nhận đoạn trích: “Bữa cơm ngày đói trông thật thảm hại [...] lá cờ đỏ bay phấp phới”.– Cảm nhận đoạn trích: Bà lão cúi đầu nín lặng.... chúng mày về sau-
 Ý nghĩa đoạn kết truyện Vợ Nhật

- Dạng 3 : Chứng minh nhận định về tác phẩm, nhận định về nhân vật.
- Dạng 4 : Dạng đề So sánh văn học:

Truyện Vợ nhật có thể so sánh với những truyện cùng chủ đề, ví dụ so sánh bà cụ Tứ với Người đàn bà làng chài, Mị và người vợ nhật, Tràng và A Phủ chẳng hạn,...

Dạng 5. Liên hệ thực tế.

Ví dụ : phân tích nhân vật Bà cụ Tứ, sau đó liên hệ tới tình mẫu tử trong cuộc sống ngày nay, hoặc liên hệ tới vẻ đẹp của người phụ nữ xưa và nay,...

Với tác phẩm này các em chú ý tình huống truyện .

KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. Xuất xứ

Truyện Vợ nhật có tiền thân là tiểu thuyết Xóm ngụ cư – tác phẩm được viết ngay sau Cách mạng tháng Tám nhưng còn dở dang và bị mất bản thảo. Hoà bình lập lại

(1954), dựa trên một phần cốt truyện cũ, Kim Lân đã viết truyện Vợ nhặt. Tác phẩm được in trong tập Con chó xấu xí (1962).

2. Tóm tắt

Truyện lấy bối cảnh là nạn đói năm 1945. Tràng – một thanh niên nghèo, lại là dân ngụ cư, trong một lần đẩy hàng đã tình cờ có được vợ. Cô vợ nhặt đã tình nguyện theo Tràng chỉ sau một câu nói đùa và bốn bát bánh đúc. Tràng đưa “thị” về giữa cảnh đói khát đang tràn đến xóm ngụ cư. Bà cụ Tứ thấy con có vợ thì vừa mừng vừa tủi cho thân phận nghèo khổ của mình và thương con, thương nàng dâu đói khổ. Họ sống với nhau trong cảnh đói nghèo nhưng hạnh phúc và tin rằng: Việt Minh về làng, họ sẽ đi phá kho thóc Nhật, lấy lại thóc gạo để cứu sống mình.

3. Ý nghĩa nhan đề

- Nhan đề gợi tình huống éo le, kích thích trí tò mò người đọc. Thông thường, người ta có thể nhặt thứ này, thứ khác, chứ không ai “nhặt” “vợ”. Bởi dựng vợ gả chồng là việc lớn, thiêng liêng, có ăn hỏi, có cưới xin theo phong tục truyền thống của người Việt, không thể qua quýt, coi như trò đùa.
- “Vợ nhặt” là điều trái khoáy, oái ăm, bất thường, vô lí. Song thực ra nó lại rất có lí. Vì đúng là anh Tràng đã nhặt được vợ thật. Chỉ một vài câu bông đùa của Tràng mà có người đã theo về làm vợ. Điều này đã thực sự khiến một việc nghiêm túc, thiêng liêng trở thành trò đùa và ngược lại, điều tưởng như đùa ấy lại chính là sự thực. Từ đây, bản thân nhan đề tự nó đã gợi ra cảnh ngộ éo le, sự rẻ rúng của giá trị con người. Chuyện Tràng nhặt được vợ đã nói lên tình cảnh thê thảm và thân phận tủi nhục của người nông dân nghèo trong nạn đói khủng khiếp năm 1945.

4. Tình huống truyện

- Tình huống truyện : Anh Tràng vừa nghèo, vừa xấu lại là dân ngụ cư thế mà lấy được vợ ngay giữa lúc đói khát, ranh giới giữa sự sống và cái chết hết sức mong manh.
- Tình huống lạ, độc đáo : người như Tràng mà lấy được vợ, thậm chí có vợ theo ! Thời buổi đói khát này, người như Tràng nuôi thân chẳng xong mà dám lấy vợ ! Chẳng phải thế mà việc Tràng có vợ đã tạo ra sự lạ lùng, ngạc nhiên với tất cả mọi người trong xóm ngụ cư, với bà cụ Tứ, thậm chí đã có những thời điểm chính Tràng cũng chẳng thể nào tin được vào điều đó.
- Tình huống truyện không chỉ tạo ra một hoàn cảnh “có vấn đề” cho câu chuyện mà còn nén trong đó ý đồ nghệ thuật của nhà văn đồng thời gợi mở các khía cạnh giá trị hiện thực và nhân đạo của tác phẩm.

5. Nhân vật

5.1 Tràng

- *Tràng là người dân lao động nghèo, “nhặt” được vợ trong thời buổi đói khát:
- Bản thân anh là dân ngụ cư, dân ăn nhờ, ở đậu.

– Tràng sống với mẹ già trong một căn nhà xiêu vẹo trên bãi đất hoang mọc lổn nhổn những bụi cỏ dại.

Hoàn cảnh xuất thân : khó lấy được vợ.

– Tuy nhiên, giữa cái khung cảnh tối sầm lại vì đói khát, Tràng bỗng nhiên “nhật” được vợ. Cuộc gặp gỡ giữa Tràng và người đàn bà không tên diễn ra thật chóng vánh chỉ qua hai lần gặp mà chỉ gặp ở đường và chợ để rồi “nên vợ, nên chồng”:

+ Lần gặp thứ nhất : Trên đường kéo xe thóc lên tỉnh, Tràng hò chơi cho đỡ mệt “Muốn...”. Không ngờ, thị ra đẩy xe cho anh và còn liếc mắt cười tít nữa. Tràng thích lắm vì từ khi cha sinh mẹ đẻ đến giờ mới có một người con gái cười với hẳn tình tứ đến như thế.

+ Lần gặp thứ 2, ở quán nước ngoài chợ. Ban đầu, Tràng không nhận ra vì thị khác quá, trên khuôn mặt lưới cày xám xịt chỉ còn hai con mắt. Khi nhận ra rồi, trong lời đáp “ăn gì thì ăn, chả ăn giàu” Tràng sẵn sàng đãi thị bốn bát bánh đúc. Trong bối cảnh mà người ta lo thân không xong, ai cũng đứng trên miệng vực thẳm của cái chết hành động mà Tràng đãi thị bốn bát bánh đúc chứng tỏ rằng Tràng là một người khá tốt bụng và cởi mở. Chính sự tốt bụng và cởi mở của Tràng đã đem đến cho Tràng hạnh phúc, Tràng nói đùa với thị “Này ... rồi cùng về”, nhưng thị đã theo Tràng về thật. Khi quyết định “đèo bồng” Tràng cảm thấy “chợn” nhưng “chặc kệ”

* Niềm hạnh phúc khi có vợ :

– Tràng khi đưa vợ về qua xóm ngụ cư : tâm trạng của anh hôm nay phơn phở, cười tủm tỉm, hai con mắt thì sáng lên lấp lánh, trước ánh mắt nhìn đầy tò mò và ngạc nhiên của người dân trong xóm, trước những lời xì xào bàn tán của người dân trong xóm, Tràng rất hãnh diện, rất đắc ý, mặt cứ vênh lên như thể chứng tỏ với mọi người- Tràng đã có vợ.

– Tràng khi đưa vợ về đến nhà : Hành động: xăm xăm nhấc tấm phen rách ra và câu nói “Không có người đàn bà nhà cửa ra thế đấy” ta hiểu rằng có vợ rồi người đàn ông ăn nói cục cằn kia bỗng văn hóa hẳn lên. Ánh mắt của anh đã để ý đến cô vợ nhật và thắc mắc với lòng mình “Quái, sao nó lại buồn thế nhỉ?” Tràng sốt ruột mong ngóng mẹ về để còn ra mắt cô vợ nhật. Khi mẹ về, sau lời giới thiệu, Tràng cũng hồi hộp, lo lắng đợi chờ câu trả lời của mẹ, và chỉ khi người mẹ nói “Các con phải duyên phải kiếp với nhau u cũng mừng lòng” Tràng mới thở đánh phào một cái.

Có thể nói, Kim Lân đã rất chú ý miêu tả diễn biến tâm trạng của Tràng từ khi có vợ. Có rất nhiều lần Kim Lân nhắc đến nụ cười của Tràng để nhấn mạnh đến niềm khát khao hạnh phúc, khát khao mái ấm gia đình để thách thức với cái đói đang tung lưới bủa vây.

– Tràng trong buổi sáng ngày hôm sau :

+ Tràng thấy mình như bước ra từ một giấc mơ, trong người “êm ái lửng lơ”.

+ Trước mặt anh mọi thứ đều thay đổi: nhà cửa sân vườn hôm nay đều được quét tước sạch sẽ; mấy chiếc quần áo rách như tổ đĩa vẫn vắt ở góc nhà đã thấy đem ra sân hong; hai cái ang nước vẫn để khô cong dưới gốc cây ôi giờ đã kín nước đầy ăm ắp. Rõ ràng những cảnh tượng rất đổi bình thường ấy cũng đã làm cho anh cảm động, hạnh phúc với anh thật giản dị.

+ Từ buổi sáng đó, anh mới thấy mình nên người. Anh nghĩ đến tương lai, đến sự sinh sôi nảy nở của hạnh phúc để rồi vui sướng, phấn chấn tràn ngập trong lòng.

+ Và người vợ nhặt của Tràng hôm nay cũng khác lắm – đó là một người đàn bà hiền hậu, đúng mực, không có vẻ gì chao chát, chỏng lỏn nữa.

+ Tràng thấy “thương yêu gắn bó với cái nhà của hắn lạ lùng. Hắn đã có một gia đình. Hắn sẽ cùng vợ sinh con đẻ cái ở đây. Cái nhà như cái tổ ấm che mưa che nắng. Một nguồn vui sướng, phấn chấn tràn ngập trong lòng. Bây giờ hắn mới thấy hắn nên người, hắn thấy hắn có bổn phận phải lo lắng cho vợ con sau này”. Nguồn vui ấy như tia nắng, như ánh bình minh đem sinh khí đến cho cuộc sống vốn đang ngập tràn sự chết chóc của cái đói tung lưới bủa vây.

+ Và trong bữa cơm đầu tiên, bữa cơm của 3 con người đang khốn khổ vì cái đói, tràn ngập sự đầm ấm, hoà hợp.

– Hình ảnh khép lại tác phẩm trong óc Tràng là hình ảnh lá cờ đỏ và đoàn người đói đi trên đê Sộp, gọi cho người đọc nghĩ về Việt Minh, về Cách mạng tháng Tám vĩ đại, về sự vùng dậy của những người dân khốn khổ, đập tan xiềng xích, giành lại cơm áo, giành lại sự sống cho bản thân, giành lại độc lập tự do cho dân tộc. Vì thế, kết thúc của tác phẩm đã gieo vào lòng người đọc một niềm tin mãnh liệt, gieo một hạt giống hi vọng mãnh liệt vào tâm hồn Tràng, gia đình anh và tất cả bạn đọc chúng ta.

5.2 Thị (người “vợ nhặt”)

– Cũng giống như Tràng, khung cảnh Kim Lân để cho nhân vật này xuất hiện là một không gian tối tăm vì đói khát. Cũng giống như bao người khác, thị ngồi vêu cùng với mấy chị em gái nơi cửa nhà kho. Chị không có tên, không tuổi tác, không cha mẹ, không gia đình... một con số không tròn trĩnh đang bao trùm lên lá số tử vi của chị. Cái đói đã cướp đi của thị tất cả.

– Khi chưa theo Tràng về làm vợ cái đói đã để lại “dấu tích” ghê gớm trên dáng hình và tính cách của chị:

+ Lần gặp thứ nhất: có vẻ táo tợn, ăn nói mạnh mẽ “Có khối cơm trắng mấy giò mà ăn đây! “Này nhà tôi ơi! Nói thật hay nói khoác đây”

+ Lần gặp thứ 2: chân dung của thị khiến Tràng không nhận ra, gây (dẫn chứng)...Thị cong cớn trong lời nói, vô duyên trong hành động “sà xuống đánh... cắm đầu ăn một chặp bốn bát bánh đúc... ăn xong cầm đôi đũa quệt ngang miệng, thờ: Hà ngon! Về chị thấy hụt tiền thì bỏ bố”. Tuy nhiên, ẩn đằng những lời nói và hành động ấy là khát vọng về hạnh phúc và sự sống.

– Kim Lân không có ý chê bai người vợ nhặt kia, dù thực tế cũng có những người phụ nữ không đẹp. Điều mà nhà văn muốn nhấn mạnh ở đây là: sức hủy hoại khủng khiếp của cái đói đối với hình hài và tính cách của con người. Vì đói mà thị cố tạo ra cái vẻ cong cớn, chao chát, chông lỏn như là để thách thức với số phận. Vì đói mà thị quên đi cả sĩ diện của mình, quên đi cả lòng tự trọng theo không một người đàn ông về làm vợ trong khi chẳng biết tí gì về anh ta. Vì đói mà thị đánh liều nhắm mắt đưa chân, đánh liều với hạnh phúc cả đời mình. Thị thật đáng thương. Nhưng đằng sau sự liều lĩnh ấy của thị, người đọc hiểu rằng, thị là người có ý thức bám lấy sự sống mãnh liệt.

– Miêu tả nhân vật thị, Kim Lân không chú trọng nhiều đến diễn biến tâm trạng bên trong mà Kim Lân chú ý nhiều đến hành động:

+ Thị bước sau Tràng chừng 3-4 bước, cái nón rách tàng nghiêng nghiêng che đi nửa mặt, mặt cúi xuống, chân nọ bước dúi cả vào chân kia. Thị đã ý thức được về bản thân, cái dáng cúi mặt kia phải chăng đó là sự tủi phận

+ Về đến nhà, trông nếp nhà rọ rọ của Tràng, thị nén tiếng thở dài, tiếng thở dài chấp nhận bước vào cuộc đời của Tràng.

+ Hành động khép nép, tay vân vê tà áo khi đứng trước mặt bà cụ Tứ, thị thật đáng thương

– Tuy nhiên, ở sâu thẳm bên trong con người này vẫn có một niềm khát khao mái ấm gia đình thực sự. Thị đã trở thành một con người hoàn toàn khác khi là một người vợ trong gia đình. Hạnh phúc đã làm cho thị thay đổi từ một người phụ nữ cong cớn, đánh đá bỗng trở thành một người đàn bà hiền hậu đúng mực, mái ấm gia đình đã đủ sức mạnh làm thay đổi một con người.

– Hình tượng chị vợ nhặt thể hiện rất rõ tư tưởng nhân đạo của Kim Lân

+ Một mặt nhà văn đã lên án tội ác dã man của phát xít Nhật và TDP. Nạn đói do chúng gây ra đã cướp đi mọi giá trị của con người, và biến người con gái như một thứ đồ rẻ rúng có thể nhặt được

+ Mặt khác vợ Tràng đã nói lên một sự thật ở đời đó là trong đói khổ, hoạn nạn, kẻ bên cái chết nhưng con người vẫn khát khao được sống, vẫn sống ngay khi cả cuộc đời không thể chịu được nữa. Những con người nghèo khổ vẫn thương yêu đùm bọc, và cùng nhau vun đắp hạnh phúc để vượt qua những thử thách khắc nghiệt.

5.3 Bà cụ Tứ :

– Nhà văn Kim Lân tâm sự: “ Phần gây xúc động lớn nhất cho tôi khi đọc lại truyện ngắn Vợ nhặt đó là đoạn bà cụ Tứ- mẹ Tràng trở về”. Thông điệp nghệ thuật về bản chất nhân đạo trong tâm hồn người Việt ở hình tượng nhân vật bà cụ Tứ đã được Kim Lân thể hiện thành công qua diễn biến tâm trạng của người mẹ nghèo ấy khi nhìn thấy chị vợ nhặt xuất hiện trong nhà mình cho đến buổi sáng ngày hôm sau.

– Ngạc nhiên và bất ngờ là tâm trạng đầu tiên ở người mẹ nghèo khi lật đật theo

con từ ngõ vào nhà. Từ trước đến giờ có bao giờ Tràng mong ngóng mẹ về đến thế đâu, nhất định là phải chuyện gì quan trọng, khác thường. Chân bước theo con nhưng lòng bà đang phấp phồng. Rồi “đứng sững lại” khi bà nhìn thấy một người phụ nữ đứng ở đầu giường con trai bà, mà lại chào bà bằng u. Ngạc nhiên đã làm cho bà lão không còn tin vào cảm giác của bà nữa, tự dưng bà lão thấy mắt mình nhoèn đi thì phải. Nhưng thực sự mắt bà không nhoèn, và tai bà cũng không đến mức điếc lác như chị vợ nhật nghĩ ban đầu. Bà chưa thể tin, không thể tin rằng con mình lại có người theo và lại chưa bao giờ hình dung nhận dâu trong một tình cảnh trớ trêu, tội nghiệp đến thế.

– Bà lão cúi đầu nín lặng, đằng sau cái cúi đầu nín lặng ấy là dòng cảm xúc tuôn trào, là cơn bão lòng đang cuộn xoáy với tình thương con vô bờ bến. Bây giờ thì bà không chỉ biết sự việc “Nhà tôi nó mới về làm bạn với tôi đấy u ạ” như lời Tràng thưa gửi mà bà còn hiểu ra biết bao nhiêu cơ sự, vừa ai oán vừa xót thương cho số kiếp của con trai mình. Bà tủi thân, tủi phận, bà so sánh người ta với mình “người ta dựng vợ gả chồng cho con những lúc nhà ăn lên làm nổi, còn mình thì...”. Bà lão chua chát, tự trách bản thân mình, càng thương con bao nhiêu bà lại càng tủi phận bấy nhiêu. Bà lão đã khóc, những giọt nước mắt hiếm hoi của người già dưới ngòi bút nhạy cảm của Kim Lân đã gieo vào lòng người đọc biết bao thương xót, tủi buồn.

Bà đã chấp nhận nàng dâu không phải chỉ bằng tình mẫu tử mà lớn hơn đó là tình người, là sự cảm thông với chị vợ nhật từ cái nhìn của người cùng giới, cùng là phụ nữ. Câu nói đầu tiên mà bà cụ Tứ dành cho chị vợ nhật “Ừ thôi các con phải duyên phải kiếp với nhau, u cũng mừng lòng”, lời nói của bà như trút đi biết bao gánh nặng tâm trạng đang đè nặng trong Tràng, lời nói ấy như một sự chiêu tuyết cho giá trị của cô vợ nhật. Câu nói ấy của bà làm cuộc hôn nhân của Tràng và thị không còn là chuyện nhật nhau ở đường và chợ nữa mà là duyên phận. Cách nói giản dị mà chan chứa tình người quả thực đã làm ấm lòng những số phận tội nghiệp. Thị và Tràng dường như cũng sẽ ấm lòng hơn khi kinh nghiệm của một người mẹ từng trải nói “ai giàu ba họ, ai khó ba đời”. Bà động viên an ủi con trai và con dâu cùng nhau bước qua khó khăn đói khổ trước mắt mà lòng đầy thương xót.

– Nhưng sau những lời động viên ấy ta lại thấy Kim Lân để nhân vật bà cụ Tứ quay về với chính cuộc đời mình để mà lo lắng cho hạnh phúc thực tại của hai con. Điều mà bà lo không phải là “sự hợp nhau hay không hợp nhau” giữa hai người mà điều mà người mẹ ấy lo lắng đó là, cái đói đang đe dọa hạnh phúc của con bà. Trong bóng tối, bà nghĩ về cuộc đời dài đằng đặc của đời mình, cuộc đời của những người thân để mà thấu hiểu, thương xót rồi “nghẹn lời” chỉ có dòng nước mắt chảy xuống ròng ròng.

– Hạnh phúc mới của con làm bà cụ Tứ được vui lây, bà động viên an ủi các con,

ngĩ về một tương lai tươi sáng phía trước:

+ Khuôn mặt của bà nhẹ nhõm, tươi tỉnh khác ngày thường, bà xăm xắn quét dọn, giẫy những bụi cỏ dại nham nhở trong vườn, thu dọn nhà cửa cho quang quẻ với hy vọng đời sẽ có cơ khấm khá.

+ Trong bữa ăn đầu tiên, mâm cơm ngày đói sao thảm hại: chỉ có một lùm rau chuối thái rối, một đĩa muối, một niêu cháo loãng toàn nước và món chính là chè khoán – cháo cám nhưng không khí gia đình thật ấm áp, tình chồng vợ, tình mẹ con- những nguồn động lực lớn lao ấy giúp họ tăng thêm sức mạnh để vượt qua thực tại.

+ Bà cụ Tứ toàn nói chuyện của tương lai, toàn chuyện vui, chuyện sung sướng về sau. Bà lão bàn với con tính chuyện nuôi gà, ngoảnh đi ngoảnh lại sẽ có đàn gà cho mà xem. Câu chuyện của bà lão bất giác làm cho ta nhớ lại bài ca dao miền Trung- miền cái trúng. Cũng giống như tất cả những người bình dân xưa, bà lão đang gieo vào lòng các con bà niềm lạc quan, niềm tin và hi

vọng. Từ đàn gà mà có tất cả. Khát vọng sống bật lên ngay cả trong hoàn cảnh khốn cùng nhất “chớ than phận khó ai ơi- Còn da lông mọc, còn chồi nảy cây”.

– Song niềm vui của bà cụ Tứ cũng thật tội nghiệp. Miếng cháo cám đắng chát và tiếng trống thúc thuế dồn dập vội vã đưa bà cụ Tứ trở về với thực tại với tiếng nói xen lẫn cả hơi thở dài trong lo lắng: “Đặng thì nó bắt giồng đay, đặng thì nó bắt đóng thuế. Giời đất này không chắc đã sống được qua được đâu các con ạ”! Và bà lại khóc, tình thương con lại hiện hình qua những giọt nước mắt lặng lẽ tuôn rơi. Với sự thấu hiểu, với sự đồng cảm, Kim Lân đã dựng lên hình ảnh bà cụ Tứ- người mẹ thương con, nhân hậu, bao dung. Trong hoàn cảnh đói nghèo, bà vẫn dang rộng cánh tay đón nhận người con dâu mặc dù trong lòng còn nhiều xót xa, tủi cực, vẫn gieo vào lòng các con ngọn lửa sống trong hoàn cảnh tối tăm của xã hội lúc bấy giờ.

6. Giá trị hiện thực, nhân đạo

6.1. Giá trị hiện thực:

– Truyện đã dựng lại một cách chân thực những ngày tháng bi thảm trong lịch sử dân tộc, đó là khoảng thời gian diễn ra nạn đói năm 1945 :

+ Cái chết đeo bám, bủa vây khắp mọi nơi.

+ Dòng thác người đói vật vờ như những bóng ma.

+ Cái đói đã tràn đến xóm ngụ cư từ lúc nào.

+ Âm thanh của tiếng quạ gào lên từng hồi thê thiết.

+ Xóm ngụ cư, với những khuôn mặt hốc hác, u tối.

+ Cái đói hiện lên trong từng nếp nhà rúm ró, xẹo xệch, rách nát.

+ Cái đói hiện hình trên khuôn mặt của chị vợ nhặt.

+ Bữa cơm ngày đói trông thật thảm hại.

– Truyện phơi bày bản chất tàn bạo của thực dân Pháp và phát xít Nhật đã gây ra

nạn đói năm 1945.

– Tuy nhiên, còn có một hiện thực được phản ánh trong tác phẩm: hiện thực mang tính xu thế, đó là tấm lòng của người dân khi đến với cách mạng.

6.2. Giá trị nhân đạo

+ Thái độ đồng cảm xót thương với số phận của người lao động nghèo khổ.

+ Lên án tội ác dã man của thực dân Pháp và phát xít Nhật đã gây ra nạn đói khủng khiếp.

+ Trân trọng tấm lòng nhân hậu, niềm khao khát hạnh phúc bình dị những người lao động nghèo.

+ Dự báo cho những người nghèo khổ con đường đấu tranh để đổi đời, vươn tới tương lai tươi sáng.

7. Nghệ thuật

– Xây dựng tình huống truyện độc đáo.

– Lối trần thuật tự nhiên, hấp dẫn làm nổi bật sự đối lập giữa hoàn cảnh và tính cách nhân vật.

– Tạo không khí và dụng thoại rất hấp dẫn, ấn tượng.

– Nhân vật được khắc họa sinh động đặc biệt là ngòi bút miêu tả tâm lý nhân vật tinh tế.

– Ngôn ngữ : Bình dị, đời thường nhưng có chất lọc kỹ lưỡng, có sức gợi và đậm chất Bắc Bộ.

8. Chủ đề

Qua truyện “Vợ nhặt”, Kim Lân muốn khẳng định : trong những hoàn cảnh khó khăn nhất, ngay cả khi cái chết liền kề, những người dân lao động nghèo khổ, lương thiện vẫn yêu thương, đùm bọc lấy nhau, vẫn khát khao mái ấm hạnh phúc gia đình và hy vọng vào một cuộc sống mới tốt đẹp hơn

ĐỀ LUYỆN TẬP

Đề 1 : “Thế là thị ngồi sà xuống, ăn thật. Thị cầm đầu ăn một chặp bốn bát bánh đúc liền chẳng chuyện trò gì.” và “Người con dâu đón lấy cái bát, đưa lên mắt nhìn, hai con mắt thị tối lại. Thị điềm nhiên và vào miệng”

Cảm nhận của anh (chị) về hình tượng người “vợ nhặt” (“Vợ nhặt” – Kim Lân, SGK Ngữ văn 12, tập 2) qua hai chi tiết trên? Qua đó làm rõ tư tưởng nhân đạo của nhà văn trong cách xây dựng nhân vật?

Gợi ý :

a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận

Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. *Mở bài* nêu được vấn đề, *thân bài* triển khai được vấn đề, *kết bài* kết luận được vấn đề

Xác định đúng vấn đề cần nghị luận

Hai chi tiết cũng chính là hai hành động của người vợ nhặt trong tác phẩm cùng tên của nhà văn Kim Lân: hành động ăn bốn bát bánh đúc mà Tràng mời ở chợ và hành động ăn bát cháo cám của bà cụ Tứ khi đã trở thành vợ của Tràng.

Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm: thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng.

– Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm, nhân vật, trích dẫn chi tiết

Kim Lân thuộc hàng những cây bút truyện ngắn tài năng của văn học Việt Nam hiện đại. Ông thường viết về nông thôn và những con người dân quê, lam lũ hồn hậu, chất phác mà giàu tình yêu thương. Vợ nhặt là một trong những sáng tác tiêu biểu của ông. Tác phẩm đã khắc họa thành công nhân vật Thị, một người phụ nữ nghèo khổ nhưng luôn khao khát hạnh phúc gia đình giản dị, biết hướng tới tương lai tươi đẹp.

Trong truyện ngắn Vợ nhặt, Kim Lân bộc lộ một quan điểm nhân đạo sâu sắc của mình. Nhà văn phát hiện ra vẻ đẹp kì diệu của người lao động trong sự túng đói quay quắt, trong bất kì hoàn cảnh khốn khổ nào, con người vẫn vượt lên cái chết, hướng về cuộc sống gia đình, vẫn yêu thương nhau và hi vọng vào ngày mai tươi sáng.

Trích dẫn hai chi tiết trong đề bài

– Cảm nhận về hình tượng người vợ nhặt qua hai chi tiết:

+Chi tiết thứ nhất: *“Thế là thị ngồi sà xuống, ăn thật. Thị cầm đầu ăn một chặp bốn bát bánh đúc liền chẳng chuyện trò gì.”*

.Chi tiết này xuất hiện trong hoàn cảnh gặp gỡ của nhân vật với Tràng ngoài chợ tỉnh, khi anh cu Tràng đang ngồi nghỉ và thị bỗng nhiên xuất hiện với một ngoại hình của một con ma đói, quần áo rách như tổ đĩa, khuôn mặt lưỡi cày xám xịt, thị gầy sọp hẳn đi, chỉ còn thấy hai con mắt. Sự biến đổi về ngoại hình ấy khiến Tràng không nhận ra người đàn bà đã đẩy xe cho mình lần trước. Thị trông nhếch nhác, tội nghiệp. Cái đói đã khiến người đàn bà không chỉ thay đổi về ngoại hình mà còn biến đổi cả nhân cách. Thị trở nên “chao chát”, “chổng lỏn”, “chua ngoa”, “đanh đá”. Thị “cong cớn, sung sĩa” khi giao tiếp, nói chuyện. Thị gợi ý để được ăn. Và khi được cho ăn, *Thế là thị ngồi sà xuống, ăn thật. Thị cầm đầu ăn một chặp bốn bát bánh đúc liền chẳng chuyện trò gì.”*

. Thị phải đánh đổi cả danh dự, cái duyên của người con gái, lòng tự trọng để kiếm miếng ăn và nuôi niềm hi vọng sống... Thị đã đặt sự tồn tại của mình, miếng ăn lên trên cả nhân cách. Nhưng qua đó ta thấy nhân vật có một lòng ham sống

mãnh liệt . Thị đang cố gắng bám lấy sự sống. Thị tỏ ra “đanh đá chua ngoa cũng là để bảo vệ sự sống. Sống rồi mới tính tiếp được. Và một hành động tưởng như nông nổi, dễ dãi tiếp theo là sau câu nói đùa của Tràng, thị đã đồng ý theo người đàn ông xa lạ về làm vợ. Hành động này cũng là xuất phát từ niềm ham sống mãnh liệt, thị như người sắp chết đuối cố gắng bám lấy cái phao của sự sống, với một niềm hi vọng được sống, được hạnh phúc. Cận kề bên cái chết, người đàn bà ấy không hề buông xuôi sự sống mà trái lại, thị vẫn vượt lên cái thảm đạm để hướng đến hạnh phúc, tương lai. Niềm lạc quan yêu sống của thị thật đáng quý, đáng trân trọng.

+Chi tiết thứ 2 : *“Người con dâu đón lấy cái bát, đưa lên mắt nhìn, hai con mắt thị tối lại. Thị điềm nhiên và vào miệng”*

. Chi tiết này xuất hiện vào bữa cơm đầu tiên đón nàng dâu mới của gia đình nhà Tràng. Đọc chi tiết này ta thấy thị đã thay đổi , không còn như trước.

.Sáng hôm sau thị đã dậy sớm cùng mẹ chồng quét tước dọn dẹp nhà cửa cho quang quẻ, sạch sẽ.Thị cùng mẹ chồng dọn cơm. Bữa cơm ngày đói trông thật thảm hại, giữa cái mẹt rách chỉ có đĩa rau chuối thái rối và niêu cháo loãng bồng mà mỗi người chỉ được hai lưng bát là hết nhẵn. Bà cụ Tứ vui vẻ đon đả bung ra một nồi cháo cám mà bà gọi vui là chè khoán để đãi nàng dâu. Tràng “chun mặt lại , miếng cám đắng chát nghẹn bứ trong cuống họng” không thể nuốt nổi.

Nhưng thị *đón lấy cái bát, đưa lên mắt nhìn, hai con mắt thị tối lại, Thị điềm nhiên và vào miệng.*Cách ăn đó cho ta thấy thái độ chấp nhận sự nghèo khổ, khó khăn ở một gia đình mới,Thị không kêu ca, phàn nàn trước cái đói nghèo, cũng không thấy khó chịu . Vậy đằng sau nỗi vất vưởng là sự ý tứ biết điều , Thị cảm thông với những khó khăn của nhà chồng...cho nên dù phải ăn cháo cám nhưng thị vẫn vui vẻ bằng lòng.

=> Thị đã đem đến sinh khí mới cho gia đình Tràng, trong bữa cơm mẹ con nói chuyện vui vẻ, thị còn là người truyền tin cách mạng, đem đến cho gia đình này niềm hi vọng, niềm tin khi chia sẻ: “Trên mạn Thái Nguyên...” Sự hiểu biết của thị đã đem đến cho Tràng sự giác ngộ về con đường phía trước mà anh sẽ lựa chọn.

+ Nghệ thuật xây dựng nhân vật: nhà văn đã đặt nhân vật trong tình huống truyện độc đáo , phân tích diễn biến tâm lí sâu sắc, lựa chọn chi tiết điển hình , ngôn ngữ mộc mạc, giản dị, phù hợp với tính cách nhân vật.

– Bình luận về tư tưởng nhân đạo của nhà văn trong cách xây dựng nhân vật:

+ Cảm thông, chia sẻ với thân phận rẻ rúng của con người

+ Gián tiếp tố cáo tội ác thực dân, phong kiến, phát xít đối với nhân dân ta

+ Niềm tin vào nhân cách tốt đẹp của con người cùng niềm khao khát sống, hi vọng vào một tương lai tốt đẹp ở tương lai phía trước trong bối cảnh của nạn đói khủng khiếp năm 1945 .

=> Đánh giá về tư tưởng nhân đạo của nhà văn Kim Lân qua cách xây dựng nhân vật : Thông qua nhân vật, và đặc biệt là hai chi tiết ta thấy nhà văn Kim Lân có tư tưởng nhân đạo sâu sắc. Ông luôn quan tâm đến những biến đổi tinh tế trong tâm hồn người dân nghèo để phát hiện những vẻ đẹp về nhân cách , để trân trọng nâng niu, ngợi ca họ. Qua nhân vật này , nhà văn đã thể hiện một ý nghĩa nhân văn cao đẹp. Con người Việt Nam dù sống trong hoàn cảnh khốn khổ như thế nào thì họ cũng sẽ luôn hướng về tương lai với niềm tin vào sự sống.

Đề 2 :Truyện ngắn *Chí Phèo* của Nam Cao kết thúc bằng hình ảnh: *Đột nhiên thị thấy thoáng hiện ra một cái lò gạch cũ bỏ không, xa nhà cửa, và vắng người lại qua...*

(Ngữ văn 11, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2011, tr.155)

Truyện ngắn *Vợ nhặt* của Kim Lân kết thúc bằng hình ảnh:

Trong óc Tràng vẫn thấy đám người đói và lá cờ đỏ bay phấp phới...

(Ngữ văn 12, Tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2011, tr.32)

Cảm nhận của anh/chị về ý nghĩa của những kết thúc trên. Đáp án :

Hướng dẫn cách làm :

Mở bài :

- Giới thiệu Nam Cao , truyện *Chí Phèo* và đoạn kết truyện
- Giới thiệu Kim Lân, *Vợ nhặt* và đoạn kết truyện

Mở bài tham khảo nhé :

Dòng văn học hiện thực phê phán Việt Nam thường khai thác một khía cạnh phổ biến đó là tình cảnh bi thảm của người nông dân trước cách mạng tháng Tám .Trong số những trang văn cảm động về người nông dân phải kể đến hai truyện ngắn nổi bật : *Chí Phèo* của nhà văn *Nam Cao* và *Vợ nhặt* của Kim Lân .Mỗi truyện đều có một cách kết thúc riêng ,song mỗi cách kết thúc đều mang những giá trị riêng. Truyện ngắn *Chí Phèo* kết thúc bằng hình ảnh:

Đột nhiên thị thấy thoáng hiện ra một cái lò gạch cũ bỏ không, xa nhà cửa, và vắng người lại qua... Truyện ngắn *Vợ nhặt* kết thúc bằng hình ảnh:

Trong óc Tràng vẫn thấy đám người đói và lá cờ đỏ bay phấp phới

Thân bài :

Vài nét về tác giả, tác phẩm

– Nam Cao là một nhà nhân đạo lớn, một ngòi bút hiện thực xuất sắc, một bậc thầy về nghệ thuật truyện ngắn; sáng tác mang triết lí nhân sinh sâu sắc. Chí Phèo là đỉnh cao trong sự nghiệp của Nam Cao; truyện có kết thúc độc đáo, tô đậm được chủ đề tư tưởng của tác phẩm.

– Kim Lân là nhà văn có sở trường về truyện ngắn; chuyên viết về nông thôn và đời sống của người dân nghèo với ngòi bút đôn hậu và hóm hỉnh. Vợ nhặt là truyện ngắn tiêu biểu của Kim Lân; kết thúc truyện đặc sắc, khắc sâu được chủ đề tư tưởng của tác phẩm.

2. Về ý nghĩa của kết thúc truyện ngắn Chí Phèo

- Khái quát nội dung tác phẩm Chí Phèo (ngắn gọn)
- Tóm tắt cuộc đời đầy bi kịch của người nông dân Chí Phèo (ngắn gọn)

- Ý nghĩa đoạn kết với hình ảnh Cái lò gạch bỏ hoang

+ “Cái lò gạch cũ” vốn là nơi Chí Phèo bị bỏ rơi lúc lọt lòng, giờ đây khi Chí Phèo vừa chết lại xuất hiện trong ý nghĩ của thị Nở ở kết thúc truyện, đã gợi ra được sự quần quanh, bế tắc trong tấn bi kịch tha hóa và bị cự tuyệt quyền sống lương thiện của người nông dân.

+ Kết thúc truyện thể hiện tư tưởng nhân đạo sâu sắc của Nam Cao: đồng cảm với nỗi thống khổ của người nông dân dưới ách thống trị tàn bạo của bọn địa chủ phong kiến, trân trọng khát vọng được sống lương thiện của họ.

+ Truyện kết thúc bằng cách lặp lại hình ảnh ở phần mở đầu tạo nên kết cấu đầu cuối tương ứng gợi ra vòng tròn luẩn quẩn của thân phận Chí Phèo, giúp tô đậm chủ đề tư tưởng: cuộc đời Chí Phèo tuy kết thúc nhưng tấn bi kịch Chí Phèo sẽ vẫn còn tiếp diễn.

+ Kết thúc truyện vừa khép vừa mở dành nhiều khoảng trống cho người đọc tưởng tượng và suy ngẫm, tạo ra được dư âm sâu bền đối với sự tiếp nhận.

3. Về ý nghĩa của kết thúc truyện ngắn Vợ nhặt

- Khái quát nội dung tác phẩm “Vợ nhặt”(ngắn gọn)
- Tóm tắt về cuộc đời nhân vật Tràng.(ngắn gọn)
- Ý nghĩa đoạn kết với hình ảnh lá cờ bay phấp phới:

+ Hình ảnh “đám người đói và lá cờ đỏ” hiện lên trong tâm trí Tràng vừa gợi ra cảnh ngộ đói khát thê thảm vừa gợi ra những tín hiệu của cuộc cách mạng, cả hai đều là những nét chân thực trong bức tranh đời sống lúc bấy giờ.

+ Kết thúc truyện góp phần thể hiện tư tưởng nhân đạo của Kim Lân: trân trọng niềm khát vọng sống ngay bên bờ vực cái chết của người lao động nghèo; niềm tin bất diệt vào tương lai tươi sáng.

+ Hình ảnh dùng để kết thúc truyện là triển vọng sáng sủa của hiện thực tăm tối, đó

là tương lai đang nảy sinh trong hiện tại, vì thế nó quyết định đến âm hưởng lạc quan chung của câu chuyện.

+ Đây là kiểu kết thúc mở giúp thể hiện xu hướng vận động tích cực của cuộc sống được mô tả trong toàn bộ câu chuyện; dành khoảng trống cho người đọc suy tưởng, phán đoán.

4. So sánh sự tương đồng và khác biệt của hai kết thúc truyện

– Tương đồng: Hai kết thúc truyện cùng phản ánh hiện thực tăm tối của con người trước Cách mạng tháng Tám; cùng góp phần thể hiện tư tưởng nhân đạo của mỗi nhà văn; cùng là những kết thúc có tính mở, giàu sức gợi.

– Khác biệt: Kết thúc truyện Chí Phèo phản ánh hiện thực luẩn quẩn, bế tắc của người nông dân lao động, được thể hiện qua kết cấu đầu cuối tương ứng hàm ý tương lai sẽ chỉ là sự lặp lại của hiện tại; kết thúc truyện Vợ nhặt phản ánh xu hướng vận động tất yếu của số phận con người, được thể hiện qua kết cấu đối lập hàm ý tương lai sẽ mở lối cho hiện tại.

5. Lí giải :

Có sự khác nhau như trên là vì:

– Do hoàn cảnh sáng tác và hoàn cảnh lịch sử xã hội. Nam Cao viết “Chí Phèo” năm 1942 trong hoàn cảnh đen tối của xã hội Việt Nam lúc bấy giờ. Kim Lân viết “Vợ nhặt” sau hòa bình lập lại 1954 khi dân tộc ta đã đi qua 2 mốc lớn của lịch sử là CM tháng 8 và cuộc kháng chiến chống Pháp. Ánh sáng CM giúp nhà văn thấy được hướng vận động và phát triển của lịch sử.

– Do khuynh hướng văn học và phương pháp sáng tác. “Chí Phèo”: khuynh hướng văn học hiện thực phê phán. Nam Cao phản ánh hiện thực đen tối nhằm phê phán xã hội. Nhà văn yêu thương con người nhưng vẫn chưa nhìn thấy được lối thoát của người nông dân trong xã hội thực dân phong kiến lúc bấy giờ. “Vợ nhặt”: khuynh hướng hiện thực cách mạng nên Kim Lân có thể nhìn thấy bóng tối và ánh sáng bao trùm hiện thực trước cách mạng

– Do tài năng và tính cách sáng tạo của từng nhà văn. Cùng yêu thương tin tưởng con người nhưng Nam Cao có cái nhìn tỉnh táo sắc lạnh trước hiện thực nghiệt ngã của cuộc sống. Kim Lân lại cho rằng dù trong bất cứ hoàn cảnh nào người nông dân vẫn có thể vượt lên cái chết, cái thảm đạm để mà vui mà hi vọng.

Kết bài : Đánh giá chung về hai tác phẩm và tài năng nghệ thuật của các nhà văn

Cô Thu Trang biên soạn

Đề 3 :Đề bài : cảm nhận của anh / chị về cảnh gặp gỡ đầu tiên giữa mẹ Tràng với nàng con dâu qua đoạn văn trích sau đây trong tác phẩm Vợ nhặt của Kim Lân:

“Tràng nhắc mẹ:

Kia nhà tôi nó chào u....

... Biết thế nào hỡ con, ai giàu ba họ, ai khó ba đời? Có ra thì rồi con cái chúng mày về sau!”

Bài làm :

Đã rất nhiều lần đọc truyện Vợ nhặt của Kim Lân nhưng lần nào cũng thế, cứ đọc đến đoạn miêu tả cảnh gặp gỡ đầu tiên giữa bà cụ Tứ (mẹ Tràng) với người “con dâu mới” mà con trai bà vừa “nhặt” được về là tôi lại thấy lòng mình rung rung cảm động. Với những lời văn trần thuật giản dị và mộc mạc, tác giả đã dựng được lại rất sinh động những diễn biến tâm lý tinh vi và phức tạp đang diễn ra trong tâm trạng của một bà mẹ nghèo, trước một tình huống éo le không hiểu nên mừng hay lo, là hạnh phúc hay tai họa.

Mở đầu đoạn trích là lời Tràng nhắc mẹ “Kia, nhà tôi nó chào u”. Người con trai cứ tưởng mẹ mình chưa nghe lời chào của Vợ; cứ tưởng bà chưa biết có sự hiện diện của đứa con dâu. Nhưng đâu phải như thế. Đọc truyện, trước đoạn trích này, chúng ta đều hiểu bà cụ Tứ đã thấy và sau đó đã nghe, đã biết nhưng chưa hiểu. Hàng loạt câu hỏi đặt ra trong đàn bà thể hiện một sự băn khoăn, kinh ngạc. *Quái sao lại có người đàn bà nào ở trong ấy nhỉ? Người đàn bà nào lại đứng ngay ở đầu giường thằng con mình thế nhỉ? Sao lại chào mình bằng u? ... Ai thế nhỉ? ... O hay, thế là thế nào nhỉ? Kim Lân dùng một giọng văn trần thuật rất mộc mạc. Ông gọi Tràng là “hắn”, vợ Tràng là “thị. Tràng xưng với mẹ bằng tôi, ‘chúng tôi’ và gọi bà bằng “u”: “Nhà tôi nó mới về larn bạn với tôi đấy u ạ! Chúng tôi phải duyên phải kiếp với nhau. Cách xưng hô và gọi tên nhân vật dân dã, quê mùa như thế giúp bạn đọc hình dung rõ hơn về những con người nghèo khổ ở một vùng quê quanh năm đói túng, lạc hậu. Riêng đối với người mẹ, Kim Lân muốn biểu thị một thái độ tôn trọng và cảm thông. Ông gọi người mẹ ấy là “bà lão”, “Bà cụ Tứ, “người mẹ nghèo khổ”. Cũng chính với thái độ này, tác giả như nhập thân vào bà cụ Tứ, nhìn sự việc, kể lại theo con mắt và tâm trạng của bà. Một người mẹ nghèo khổ thấy dần vật, đau xót và lo lắng vì không lo nổi cho con: một con người đã trải qua nhiều cay đắng gian truân. Nay đứng trước tình cảnh của con, người mẹ ấy “hiểu ra biết bao cơ sự, vừa ai oán vừa xót thương cho số phận của đứa con mình’. Trong lúc đó, dường như Tràng quá mừng vì bỗng nhiên “nhặt” được vợ nên không tỏ ra lo nghĩ gì lắm. Không phải ngẫu nhiên mà toàn bộ đoạn trích trên chủ

yếu tập trung khắc họa tâm trạng của bà cụ Tứ. Một tâm trạng vui mà tội nghiệp, mừng mà vừa tủi vừa lo. Vui mừng vì dâu sao con bà cũng đã có vợ, dù là vợ “nhặt” được ở ngoài đường. Việc Tràng có vợ là ngoài sức tưởng tượng của bà. Chính vì thế, ban đầu bà không hiểu nổi. Có lẽ vì niềm vui và sự cảm thông mà từ thái độ ngạc nhiên, lo lắng và tủi nhục, bà đã “nhẹ nhàng nói với nàng dâu mới” một cách thật chân tình, xúc động:

“ừ, thôi thì các con đã phải duyên phải kiếp với nhau, u cũng mừng lòng...”. Chắc chắn là trước đó người con trai nghĩ thế nào mẹ cũng rầy la nặng nề. Vì thế, sau khi bà nói “Tràng thử đánh phào một cái ngực nhẹ hẳn đi”. Tuy nhiên, mừng là mừng vậy, chứ thực ra tâm trạng người mẹ nặng trĩu một niềm lo. Lòng bà ngổn ngang như mối tơ vò.

Kim Lân chỉ lặng lẽ miêu tả bằng hàng loạt cử chỉ, chi tiết nhằm thể hiện tâm trạng đó của bà: “Bà lão cúi đầu nín lặng”, “Bà lão hiểu rồi”, “Trong kẽ mắt kèm nhèm của bà rỏ xuống hai dòng nước mắt” “Bà lão khẽ thở dài đứng lên, dăm dăm nhìn người đàn bà. Suốt từ lúc về gặp con đến lúc bà cất tiếng, ”nhẹ nhàng nói với nàng dâu mới” là cả một khoảng thời gian dài im lặng, một không khí nặng nề, ừ ê, một cơn bão lòng có nén. Cố nén nhưng nó vẫn bật ra từ hai chữ “Chao ôi” như một tiếng than oà vỡ, đến câu hỏi ngập ngừng, ngắt quãng: “Còn mình thì... biết rằng, chúng nó có nuôi nổi nhau sống qua được cơn đói khát này không?” Sau ý nghĩ đầy lo âu ấy là những lời tự an ủi, tự động viên và tự trách mình: “Người ta có gặp bước khó khăn, đói khổ này, người ta mới lấy đến con mình. Mà con mình mới có vợ được...”

Thôi thì bốn phận bà là mẹ, bà đã chẳng lo lắng gì được cho con...’. Nghe những lời tâm sự thầm kín của bà mà cảm thấy không còn nỗi tủi nhục nào hơn thế nữa. Sao số kiếp của những con người ấy khôn cùng đến vậy?. Những lời từ tốn của bà dặn dò’ đôi vợ chồng ở cuối đoạn trích là những lời nói rất chân tình, vừa mơ hồ hy vọng, vừa tự động viên, an ủi, vừa thừa nhận một sự thật đắng cay trong một tình thế chẳng có gì chắc chắn cả: “Rồi ra may mà ông giời cho khá... biết thế nào hờ con, ai giàu ba họ, ai khó ba đời?”.

Tuy chỉ là một đoạn trích rất ngắn so với toàn bộ thiên , truyện Vợ nhặt nhưng cũng đủ cho ta thấm thía nỗi đắng cay tủi nhục của những kiếp người khôn khổ trước Cách mạng tháng Tám, đồng thời hiểu được tình mẫu tử và lòng nhân ái hết sức cảm động của một bà mẹ nghèo. Đoạn trích cũng cho ta thấy được tài năng của Kim Lân trong việc khắc họa tính cách và miêu tả diễn biến tâm lý nhân vật.

ĐỀ 4 : Phân tích tình huống truyện Vợ Nhặt- Kim Lân

BÀI LÀM

Nói đến nghệ thuật truyện ngắn, người ta thường coi ba yếu tố sau đây là cơ bản nhất: tình huống truyện, nhân vật truyện và cách trần thuật. Có nhiều truyện ngắn, sự sáng tạo tình huống đóng vai trò then chốt. Đặt vào tình huống ấy, nhân vật truyện bộc lộ sâu sắc tâm lý, tính cách. Tư tưởng của thiên truyện cũng nhờ thế mà được thể hiện đậm đà. Và xoay quanh tình huống ấy, các tình tiết cũng trở nên hấp dẫn. Truyện Vợ nhặt của Kim Lân thuộc loại tác phẩm như thế.

Tình huống của Vợ nhặt thể hiện ngay ở tên truyện Một anh nông dân “nhặt” được vợ. Mà nào anh ta có bánh bao hấp dẫn gì: vừa nghèo, vừa xấu trai, lại là dân ngụ cư. Vậy mà chỉ “tầm phơ tầm phào” mấy câu mà có vợ theo về.

Sự hấp dẫn của tình huống truyện trước hết là ở đó. Như một nghịch lý, nó gây ngạc nhiên cho mọi người trong xóm ngụ cư, cho bà cụ Tứ, mẹ Tràng, và cho cả bản thân Tràng là kẻ đã “nhặt” được vợ.

“... người trong xóm lạ lắm: Họ đứng cả trong ngưỡng cửa nhìn ra bàn tán...” Đến khi hiểu ra là Tràng có vợ theo về, thì họ lại càng ngạc nhiên hơn nữa. Người thì “cười lên rung rúc”. Người lại lo dùm cho anh ta Ôi chao! Giời đất này còn rước cái của nợ dài về. Biết có nuôi nổi nhau sống qua được cái thì này không?”

Bà cụ Tứ hiểu tình cảnh con mình hơn ai hết nên càng khó tin Tràng có vợ. Thấy có người đàn bà đứng ngay ở đầu giường còn mình, bà cụ cứ ngỡ ngác tự hỏi: “Quái sao lại có người đàn bà nào ở trong ấy nhỉ? Sao lại chào mình bằng u? Ai thế nhỉ?” Bà cụ làm sao hiểu nổi. Nghèo như con bà ai người ta thêm lấy mà có vợ được. Vả lại trời làm đói khát thế này, nuôi thân chẳng nổi, lấy gì nuôi vợ nuôi con? Bản thân Tràng cũng lấy làm lạ cho mình. Nhìn vợ, ngồi ngay giữa nhà, anh ta “vẫn còn ngờ ngợ như không phải thế. Ra hẳn đã có vợ rồi đấy ư?”

Đúng là một tình huống thật lạ. Nhưng khi hiểu ra rồi thì lại thấy có gì đáng ngạc nhiên đâu. Cái lý do dễ hiểu biết bao, nhưng cũng buồn tủi biết bao, tội nghiệp biết bao! Điều này, bà cụ Tứ gần hết đời người phải làm bạn với cái nghèo mới thật sự thấm thía: “Bà lão cúi đầu nín lặng. Bà lão hiểu rồi. Lòng người mẹ nghèo khổ ấy còn hiểu ra biết bao nhiêu cơ sự, vừa ai oán vừa xót thương cho số kiếp đưa con mình. Chao ôi, người ta dựng vợ gả chồng cho con trong lúc trong nhà ăn nên làm nổi, những mong sinh con đẻ cái mở mặt sau này. Con mình thì... Trong kẽ mắt kèm nhèm của bà cụ rỏ xuống hai dòng nước mắt... Biết rằng chúng nó có nuôi nổi nhau cho qua được cơn đói khát này không?”

Lòng bà cụ thật là ngổn ngang trăm mối: vừa mừng vừa lo, vừa vui vừa tủi. Mừng vui vì dù sao con mình cũng có vợ, điều mà bản phận làm mẹ bà đã không lo nổi cho con: ừ thôi thì các con đã phải duyên phải kiếp với nhau u cũng mừng lòng.

Nhưng lo buồn, tủi nhục vì “người ta có gặp bước khó khăn, đói khổ này, người ta mới lấy đến con mình, Mà con mình mới có vợ được...”

Như thế là tình huống truyện đã làm bộc lộ sâu sắc tâm trạng, tính cách các nhân vật Bà cụ Tứ do từng trải nhiều nên tâm lý diễn biến phức tạp hơn cả. Còn Tràng thì lo ít, vui nhiều. Mới đầu cũng “chọn”, nhưng liền sau đó chặc lưỡi mặc kệ!”. Trên đường đưa vợ về nhà, thấy người ta tò mò nhìn ngó, “hắn lại lấy vậy làm thích ý làm, cái mặt cứ vênh lên tự đắc với mình. Niềm vui át hẳn nỗi lo, đến nỗi anh ta không hiểu được tại sao vợ lại buồn, mẹ lại khóc: “Chán quá chẳng đâu vào đâu tự nhiên cũng khóc”.

Bỗng nhiên “nhặt” được vợ, hạnh phúc đến với Tràng quá lớn và quá đột ngột. Mãi đến sáng hôm sau anh ta vẫn còn thấy “trong người êm ái lửng lơ như người vừa ở trong giấc ma di ra”. Và cùng với niềm vui, ý thức về bổn phận, về trách nhiệm đối với cái tổ ấm của mình, cũng nảy sinh. Anh ta thấy thương yêu gắn bó với mọi người, với cái nhà, cái sân, khoảnh vườn của mình một cách lạ lùng. “Một nguồn vui sướng, phấn chấn đột ngột tràn ngập trong lòng. Bây giờ hắn mới thấy hắn nên người”

Buồn tủi nhất là tâm trạng của người vợ Tràng “nhặt” được. Lấy chồng là chuyện thiêng liêng là sự phó thác cả cuộc đời mình cho người đàn ông mà mình yêu quý. Vậy mà chị ta nào có biết Tràng là ai, tốt xấu thế nào đâu. Chỉ một câu hò bâng quơ và mấy bát bánh đúc riêu cua là theo ngay về, Cái đói đã đẩy người đàn bà đến chỗ chẳng còn biết xấu hổ là gì, mất hết ý thức tự trọng, thấy mình không hơn gì cái rơm cái rác, người ta có thể “nhặt” được nơi đầu đường, xó chợ...

Tác giả “Vợ nhặt” quả đã sáng tạo được một tình huống truyện thật độc đáo. Một tình huống vừa rất hiện thực, vừa mang nhiều ý nghĩa biểu tượng sâu sắc.

Lên án tội ác của bọn đế quốc Nhật Pháp đã gây ra cho nhân dân ta nạn đói khủng khiếp mùa xuân năm 1945, đã là đề tài của hàng loạt tác phẩm thơ văn sau Cách mạng tháng Tám, 1945 (Thơ Văn Cao, truyện ngắn, tiểu thuyết của Nguyên Hồng, Tô Hoài, Nguyễn Đình Thi. ..v.v.) Với Vợ nhặt, Kim Lân đã giải quyết đề tài ấy một cách riêng vừa vô cùng cảm động, vừa buộc người ta đọc phải suy nghĩ nhức nhối, day dứt mãi, lớp thanh thiếu niên ngày nay đọc chắc không thể tưởng tượng nổi cái giá của con người đã rẻ đến mức độ nào. Nghĩa là không bằng con vật. Cái Tý của Chị Dậu trong Tắt đèn của Ngô Tất Tố vẫn còn cao giá hơn nhiều. Chỉ vài bát bánh đúc mà thành vợ hẳn hoi, thân phận con người như thế có hơn gì cỏ rác. Bọn phát xít thực dân đã từng đẩy nhân dân ta đến nông nỗi như thế đấy. Lời kết tội của Vợ nhặt thật là ngắn gọn sâu sắc thấm thía biết bao!

Nhưng chủ đề của Vợ nhặt không chỉ cổ thể. Tình huống truyện đã đặt nhân vật kề bên nanh vuốt của cái chết. Một không khí chết chóc cứ len lỏi trong tác phẩm với mùi khói, khét lẹt của những đồng rằm trong nhà có người chết lan tới và tiếng hờ khóc ngoài xóm lọt vào tí tẹo lúc to lúc nhỏ... Nhưng qua tâm trạng của các nhân vật, nhất là Tràng và bà cụ Tứ, thấy người dân lao động tin ở sự sống, vẫn hy vọng ở tương lai, cũng khao khát một tổ ấm gia đình để được thương yêu nhau và cùng chia sẻ vui buồn, để có bổn phận với nhau cũng như có trách nhiệm với đời...

Đó là bản chất lạc quan của nhân dân lao động. Một chủ nghĩa lạc quan có căn cứ gì rõ rệt – “Ai giàu ba họ, ai khó ba đời”. – Vẫn tồn tại dai dẳng ở những con người luôn sống hết mình với cuộc sống trong lao động và đấu tranh để sinh tồn. Niềm tin tưởng lạc quan ấy cuối cùng đã gặp được ánh sáng của cách mạng với lá cờ Việt Minh bay phấp phới báo hiệu cuộc đời vĩ đại của dân tộc đang sắp sửa.

Đề 5 : Đề bài : Cảm nhận của anh/ chị về chi tiết bát cháo hành trong truyện Chí Phèo(Nam Cao) và bát cháo cám trong truyện Vợ nhặt (Kim Lân).

Mở bài :

- Giới thiệu Nam Cao, truyện Chí Phèo và chi tiết bát cháo hành
- Giới thiệu Kim Lân, Truyện Vợ nhặt và chi tiết bát cháo cám

Mở bài tham khảo:

Nam Cao và Kim Lân đều là những cây bút có sở trường truyện ngắn, có nhiều trang viết cảm động về đề tài nông thôn và người nông dân. Điểm chung của hai nhà văn là họ đều có những truyện ngắn giản dị nhưng chứa chan tinh thần nhân đạo. Hình ảnh bát cháo hành trong *Chí Phèo* và bát cháo cám trong *Vợ nhặt* đều là những hình ảnh đặc sắc, góp phần thể hiện rõ nét nội dung tư tưởng của các tác phẩm và tài năng của các nhà văn.

Thần bài : lần lượt phân tích ý nghĩa của hai hình ảnh, sau đó so sánh điểm giống và khác nhau

1. Hình ảnh bát cháo hành:

* Sự xuất hiện: Hình ảnh này xuất hiện ở phần giữa truyện. Chí Phèo say rượu, gặp Thị Nở ở vườn chuối. Khung cảnh hữu tình của đêm trăng đã đưa đến mối tình Thị Nở – Chí Phèo. Sau hôm đó, Chí Phèo bị cảm. Thị Nở thương tình đã về nhà nấu cháo hành mang sang cho hắn.

* Ý nghĩa:

– Về nội dung:

+ Thể hiện tình yêu thương của Thị Nở dành cho Chí phèo

+ Là hương vị của hạnh phúc, tình yêu muộn màng mà Chí Phèo được hưởng

+ Là liều thuốc giải cảm và giải độc tâm hồn Chí : gây ngạc nhiên, xúc động mạnh, khiến nhân vật ăn năn, suy nghĩ về tình trạng thể thảm hiện tại của mình. Nó khơi dậy niềm khao khát được làm hoà với mọi người, hi vọng vào một cơ hội được trở về với cuộc sống lương thiện. Như vậy, bát cháo hành đã đánh thức nhân tính bị vùi lấp lâu nay ở Chí Phèo.

– Về nghệ thuật:

+ Là chi tiết rất quan trọng thúc đẩy sự phát triển của cốt truyện, khắc họa sâu sắc nét tính cách, tâm lí và bi kịch của nhân vật.

+ Góp phần thể hiện sinh động tư tưởng Nam Cao: tin tưởng vào sức mạnh cảm hoá của tình người.

2. Hình ảnh nồi cháo cám:

* Sự xuất hiện: Hình ảnh này xuất hiện ở cuối truyện, trong bữa cơm đầu tiên đón nàng dâu mới của gia đình bà cụ Tứ.

* Ý nghĩa:

– Về nội dung:

+ Đối với gia đình Tràng, nồi cháo cám là món ăn xua tan cơn đói, là món ăn duy nhất của bữa tiệc cưới đón nàng dâu mới về. Qua đó, tác giả đã khắc sâu sự nghèo đói, cực khổ và rẻ mạt của người nông dân trong nạn đói 1945.

+ Qua chi tiết nồi cháo cám, tính cách của nhân vật được bộc lộ:

Bà cụ Tứ gọi cháo cám là ” chè khoán”, bà vui vẻ, niềm nở, chuyện trò với các con ->> là người mẹ nhân hậu, thương con, và có tinh thần lạc quan. Nồi cháo cám là nồi cháo của tình thân, tình người, niềm tin và hy vọng. Trong hoàn cảnh đói kém, mẹ con Tràng dám cưu mang, đùm bọc thị, chia sẻ sự sống cho thị. Bà cụ Tứ nói toàn chuyện vui, đem nồi cháo cám ra đãi nàng dâu vốn để làm không khí vui vẻ hơn.

Vợ Tràng đã có sự thay đổi về tính cách. Hết sức ngạc nhiên trước nỗi cháo cám nhưng người con dâu mới vẫn điềm nhiên và vào miệng để làm vui lòng mẹ chồng. Chứng tỏ, Thị không còn nét cách chông lòn như xưa nữa mà đã chấp nhận hoàn cảnh, đã thực sự sẵn sàng cùng gia đình vượt qua những tháng ngày khó khăn sắp tới.

– Về nghệ thuật: Chi tiết góp phần bộc lộ tính cách các nhân vật, thể hiện tài năng của tác giả Kim Lân trong việc lựa chọn chi tiết trong truyện ngắn.

3. So sánh:

– Giống nhau:

+ Cả 2 hình ảnh đều là biểu tượng của tình người ấm áp.

+ Đều thể hiện bi kịch của nhân vật và hiện thực xã hội: Ở “Chí Phèo” là bi kịch bị cự tuyệt quyền làm người [bát cháo hành rất bình dị, thậm chí là nhỏ bé, tầm thường nhưng đó là lần đầu tiên Chí được cho mà không phải đi cướp giật]. Ở “Vợ nhặt”, số phận con người cũng trở nên rẻ mạt.

+ Đều thể hiện tấm lòng nhân đạo sâu sắc, cái nhìn tin tưởng vào sức mạnh của tình yêu thương con người của các nhà văn.

– Khác nhau:

+ Bát cháo hành: biểu tượng của tình thương mà thị Nở dành cho Chí Phèo nhưng xã hội đương thời đã cự tuyệt Chí, đẩy Chí vào bước đường cùng. Qua đó, chúng ta thấy bộ mặt tàn bạo, vô nhân tính của XH thực dân nửa phong kiến cũng như cái nhìn bi quan, bế tắc của nhà văn Nam Cao.

+ Nồi cháo cám: biểu tượng tình thân, tình người, niềm tin và hy vọng vào phẩm chất tốt đẹp của người dân lao động trong nạn đói. Sau bát cháo cám, mọi người nói chuyện về Việt Minh. Qua đó, thức tỉnh ở Tràng khả năng cách mạng. Như vậy ở Kim Lân có cái nhìn lạc quan, đầy tin tưởng vào sự đổi đời của nhân vật, dưới sự lãnh đạo của Đảng.

4. Lí giải sự giống và khác nhau đó:

+ Do hai nhà văn đều viết về người nông dân trong nạn đói 1945

+ Có sự khác nhau đó là do ảnh hưởng của lí tưởng Cách mạng với mỗi nhà văn . Nam Cao có cái nhìn bi quan, bế tắc về số phận của người nông dân. Kim Lân có cái nhìn lạc quan, tin tưởng vào tương lai tươi sáng

Thu Trang sưu tầm và biên soạn

Đề 6 :Đề bài : So sánh giá trị nhân đạo trong Vợ nhặt(Kim Lân) và Vợ chồng A Phủ(Tô Hoài)

Đáp án :

Hướng dẫn cách làm :

Mở bài :

+ Giới thiệu Kim Lân và tác phẩm Vợ nhặt

+Giới thiệu Tô Hoài và Vợ chồng A Phủ

+ Giới thiệu vấn đề cần nghị luận : Những điểm giống và khác nhau trong tư tưởng nhân đạo của Kim Lân và Tô Hoài được thể hiện qua hai tác phẩm “Vợ nhặt” và “Vợ chồng A Phủ”.

Kim Lân và Tô Hoài là những cây bút truyện ngắn nổi tiếng trong nền văn xuôi Việt Nam hiện đại. Vợ nhặt và Vợ chồng A Phủ là hai truyện ngắn có giá trị nhân đạo sâu sắc nhưng tư tưởng nhân đạo của mỗi nhà văn trong từng tác phẩm vẫn có những nét riêng.

Thân bài:

1. Định nghĩa khái niệm giá trị nhân đạo (luận điểm phụ)

Giá trị nhân đạo trong văn chương truyền thống thể hiện ở nhiều phương diện, khía cạnh. Song nhìn chung, đó là thái độ thương yêu trân trọng những phẩm chất tốt đẹp của con người, đó là sự đồng cảm với những đau khổ cũng như ngợi ca, đề cao những khát vọng của con người, lên án tố cáo những thế lực áp bức, bóc lột người lao động,... Một tác phẩm hàm chứa những nội dung trên được coi là có tính nhân văn sâu sắc.

2. Biểu hiện của giá trị nhân đạo trong Vợ nhặt

a. Số phận bi thảm của con người

Các em phân tích cảnh ngộ, số phận của các nhân vật : Tràng, người vợ nhặt, Bà Cự Tứ thì sẽ rõ nhé!

b. Khát khao hạnh phúc, hướng tới tương lai

Vợ nhặt không chỉ cho chúng ta thêm trân trọng những phẩm giá đáng quý của con người mà còn giúp chúng ta hiểu được khát vọng sống của họ. Cái đói, cái chết có thể khiến người ta phần nào tha hóa nhân cách nhưng hạnh phúc đã như một nguồn sinh lực thay đổi cuộc đời họ.

Cuộc hôn nhân lạ lùng của của Tràng với người vợ nhặt ngoài đường là một minh chứng. Không phải trước đó Tràng không khát khao có một gia đình, có một người vợ chăm sóc mẹ anh lúc già yếu. Không phải Tràng không mơ về một ngày nhà cửa quang quẻ, đàn gà ấp nở trong sân, vợ chồng mẹ con vui vầy. Cái cảnh chết chóc, tiếng khóc tỉ tê, cái đói đã khiến con người ta có lúc tưởng như không đủ sức với tới hạnh phúc nhỏ bé ấy. Chỉ tới khi người đọc bắt gặp ánh mắt rạng rỡ, hân hoan của cả Tràng và bà cụ Tứ trước ngọn đèn hiếm hoi, chúng ta mới hiểu rằng nỗi khát khao giờ phút đó đã cháy bỏng da diết như thế nào trong lòng họ. Hai hào dầu phung phí đổi lấy một chút “ sáng sủa” đón mừng hạnh phúc của con trai khiến bà cụ như khỏe lên trẻ lại.

Những mảnh đời nghèo đói đến với nhau, cùng chấp lại thành một cuộc đời ấm áp, nhen nhóm hy vọng. Chủ nghĩa nhân đạo mà nhà văn Kim Lân muốn gửi gắm vào nhân vật, tác phẩm của mình vừa trực tiếp thể hiện qua tâm trạng nhân vật, vừa gián tiếp qua bố cục câu chuyện. Chiều hướng vận động của thời gian trong truyện đi từ chiều tàn, đêm tối tới ánh sáng từ “ tuyệt vọng “ tới “ hy vọng”, từ “ một ngọn đèn” hiếm hoi được khêu lên đến hình ảnh “ lá cờ đỏ” phấp phới trong trí nhớ của Tràng. Tất cả là tích cực, là sự tin tưởng vào khả năng thay đổi cuộc sống, hoàn

cảnh của nhà văn và nhân vật. Một nhân cách, một khát vọng mà một sự chuẩn bị cho tương lai yên ổn chắc chắn sẽ khiến mỗi người tự tin hơn. Và phải chăng qua “lá cờ đỏ trên con đê” Kim Lân muốn báo trước một ngày mai rạng rỡ hơn, một cuộc đời mới được sưởi ấm bởi ánh sáng của “ngọn đèn” vĩnh cửu là cách mạng?

3. Biểu hiện của giá trị nhân đạo trong Vợ chồng A Phủ

a. Số phận bi thảm của con người

Cũng giống như Kim Lân, Tô Hoài dành cho nhân vật Mị trong Vợ chồng A Phủ (1953) một tình cảm yêu thương, trân trọng vô cùng. Sự trân trọng đó bộc lộ ở những chi tiết tài tình khi miêu tả tâm lý, tình cảm và nỗi cơ cực của nhân vật. Tô Hoài đã rất chặt lọc chi tiết và nhịp văn để nhấn mạnh thêm cuộc sống lao khổ, buồn bã Mị phải chịu đựng. “Ngày ngày cô ngồi bên một tảng đá, cạnh tàu ngựa, cúi mặt buồn rười rượi”. Người ta đã quên Mị với tư cách nàng dâu của nhà thống lí. Thực chất Mị sống đời nô lệ, chôn vùi tuổi xuân, sắc đẹp ở đó. Mị là nạn nhân của đồng tiền và các thế lực phong kiến cường quyền tàn ác. Mị sống âm thầm, làm lụng quần quật đến nỗi quên mất cả khái niệm thời gian. “Ở cái buồng Mị nằm, kín mít, có cửa sổ một lỗ vuông bằng bàn tay. Lúc nào trông ra cũng thấy trăng trắng, không biết là sương hay là nắng”. Khổ quá, Mị muốn có lá ngón để tự tử, thoát khỏi nhà mồ – nhà thống lí Pá Tra – nhà bố chồng của Mị. Nỗi đau của Mị không chỉ dừng lại ở việc bị đày đoạ thể xác, mà còn bị áp bức về tinh thần. Dàn trải nỗi khổ đau, nhục nhã mà Mị chịu đựng trên trang giấy cũng là nỗi khổ đau của Tô Hoài. Ông viết lên sự thật, mặc dầu rơi lệ, xót xa cho nhân vật. Ông đã không dè dặt tố cáo các thế lực đã đẩy con người vào vực thẳm cuộc đời. Trước ngòi bút của Tô Hoài, cuộc sống yên ổn của người dân miền núi còn là một cái gì đó rất xa xôi.

b. Sức sống tiềm tàng, mãnh liệt

Chỉ qua đây, chúng ta mới hiểu được rằng người dân vùng cao phải trải qua đau khổ, phải đấu tranh để tồn tại như thế nào. Và Mị là một điển hình của sự phản kháng tất yếu kia, sở dĩ không để cho Mị phải chết là vì ông hiểu một cách thấm thía rằng chính giây phút định tìm đến cái chết là giây phút người ta thêm được sống hơn bao giờ hết. Mị không thể chết. Mị còn khao khát sống lắm. Mị che dấu lòng khao khát hạnh phúc bằng dáng vẻ lặng lẽ âm thầm nhưng chính nỗi nhớ về thuở thanh xuân khi chợt nghe tiếng sáo đã “chống” lại cô. Sáu lần tác giả nhắc tới tiếng sáo thì chỉ có ba lần là tiếng sáo thật. Còn ba lần sau là tiếng sáo thức tỉnh trong lòng Mị, tự cất tiếng hát trong lòng Mị.

Có thể nói Tô Hoài đã đồng cảm sâu sắc với khát vọng của Mị, Tô Hoài khám phá ra quy luật của cuộc sống ở nhân thân bé nhỏ của Mị. Ông hiểu điều gì ắt phải đến. Ách của cuộc đời khốc liệt tới đâu cũng không thể chôn vùi khao khát cuộc sống tự

do, hạnh phúc của Mị. Và Mị phản kháng là điều tất yếu. Sức sống, sức trẻ, tình thương vốn tiềm tàng trong cô đã giúp cô đủ sức mạnh để cởi trói cho A Phủ. “Trời tối lắm, nhưng Mị vẫn băng đi” Mị đi theo A Phủ, chạy trốn từ Hồng Ngài đến Phiềng Sa. Mị đã chứng tỏ được sức sống của con người để giúp thoát khỏi chính số phận cay nghiệt của cuộc đời mình.

Một lần nữa, chúng ta nhận thấy rằng dù ở đề tài nào, góc độ nào, nhân đạo luôn là giá trị cốt lõi của tác phẩm văn học. Nhờ có giá trị nhân đạo mà qua hơn nửa thế kỷ nay, người đọc vẫn cảm thấy gắn bó với con người, với tình tiết của câu chuyện. Nỗi khổ cực của con người cùng với khát vọng sống của họ mãi mãi là vấn đề của văn học. Mỗi khám phá mới mẻ của một nhà văn đều nhằm hoàn thiện con người, bản thân họ cũng như cách nhìn của con người với cuộc đời.

4. So sánh điểm giống và khác nhau

* Giống nhau: đều thể hiện sự cảm thông sâu sắc trước số phận của người nông dân trong xã hội cũ, đều tố cáo, lên án các thế lực tàn bạo đã gây ra bi kịch cho con người và sự trân trọng vẻ đẹp phẩm chất của người lao động.

* Khác nhau:

– Ở truyện ngắn “*Vợ nhặt*”:

+ Đặt nhân vật vào một tình huống đặc biệt, tác giả bày tỏ sự cảm thương trước số phận bi thảm của người nông dân bị nạn đói dồn đẩy đến bước đường cùng, giá trị con người trở nên rẻ mạt (*HS phân tích quang cảnh xóm ngụ cư ngày đói, hình ảnh người đàn bà vợ nhặt...*)

+ Tố cáo tội ác của bọn thực dân, phát xít đã gây ra nạn đói khủng khiếp.

+ Phát hiện và ngợi ca khát vọng sống, khát vọng hạnh phúc, tình cảm cu rưng mang đùm bọc lẫn nhau giữa những người cùng chung cảnh ngộ và niềm tin hướng về tương lai của họ (*hành động tảo tợn, liều lĩnh của thị; hành động và tâm trạng của Tràng khi gặp thị, mời thị ăn và đưa thị về, suy nghĩ của bà cụ Tứ, của dân xóm ngụ cư trước hạnh phúc của Tràng...*)

– Ở truyện “*Vợ chồng A Phủ*”:

+ Nhà văn cảm thông trước số phận bi thảm của người lao động vùng cao Tây Bắc, đặc biệt là thân phận người phụ nữ dưới ách áp bức bóc lột của bọn chúa đất phong kiến. (thân phận và cảnh ngộ của Mị khi về làm dâu nhà thống lý Pa Tra, số phận của A Phủ...)

+ Tố cáo, lên án tội ác của giai cấp phong kiến thống trị (điển hình là cha con thống lý Pa Tra: bắt trả lãi cắt cổ, bắt người gạt nợ, trói người dã man, xử kiện không cho thanh minh).

+ Trân trọng khát vọng tự do , tinh thần đấu tranh phản kháng của quần chúng bị áp bức (tâm trạng của Mị trong đêm tình mùa xuân , khi cắt dây trói cứu A Phủ...)

5. Lí giải vì sao giống, vì sao khác?

+ Do hoàn cảnh sáng tác

+Do phong cách, cá tính sáng tạo của mỗi nhà văn

Kết bài: Đánh giá vấn đề:

+Tóm lại, qua ba tác phẩm văn xuôi cách mạng trên, ta thấy nổi bật lên rằng giá trị nhân đạo nhân đạo của thời kỳ này không chỉ dừng lại ở sự đồng cảm thương yêu con người, sự trân trọng phẩm chất tốt đẹp của con người mà các nhà văn đã có ý thức thể hiện, bộc lộ sự chống lại nguyên nhân gây nên nỗi khổ ấy. Đặc biệt, các nhà văn cách mạng đã tìm ra những giải pháp đưa con người ra khỏi bế tắc, tối tăm.

+ Đóng góp riêng của mỗi nhà văn đã góp phần làm phong phú , mới mẻ cho truyền thống nhân đạo của văn học dân tộc (đặc biệt là ở cái nhìn đầy lạc quan tin tưởng vào tương lai), tạo nên diện mạo mới cho văn xuôi giai đoạn 1945 – 1975 .

Đề 7 :

Đề bài : Về nhân vật người vợ nhặt trong truyện ngắn Vợ nhặt của Kim Lân, có ý kiến cho rằng: Đó là một người phụ nữ liều lĩnh, thiếu lòng tự trọng. Ý kiến khác thì khẳng định: Đó là một người phụ nữ tự trọng, có ý thức về phẩm giá của mình.

Từ cảm nhận của mình về hình tượng nhân vật người vợ nhặt, anh/chị hãy bình luận các ý kiến trên.

Hướng dẫn cách làm:

Mở bài : Vài nét về tác giả, tác phẩm

– Kim Lân là một trong những nhà truyện ngắn có nhiều trang viết cảm động về đề tài nông thôn và người nông dân. Văn phong của ông giản dị mà thâm thúy.

– Tiền thân của truyện ngắn *Vợ nhặt* là tiểu thuyết *Xóm ngụ cư*, viết sau khi Cách mạng tháng Tám thành công nhưng còn dang dở, sau đó bị lạc mất bản thảo. Sau hòa bình lập lại 1954, Kim Lân dựa một phần cốt truyện cũ để viết truyện *Vợ nhặt*. Giới thiệu các ý kiến trong đề bài

Thân bài :

Giải thích các ý kiến

– Ý kiến thứ nhất: cho rằng nhân vật người vợ nhặt là một người phụ nữ liều lĩnh, thiếu lòng tự trọng.

Ý kiến trên có lẽ đã căn cứ vào một thực tế của truyện là người phụ nữ trong truyện đã theo không nhân vật Tràng chỉ sau hai lần gặp, nghe ba câu nói đùa, ăn bốn bát bánh đúc...

– Ý kiến thứ hai: khẳng định nhân vật người vợ nhặt là một người phụ nữ tự trọng, có ý thức về phẩm giá. Có lẽ người bảo vệ ý kiến này đã nghiêng về góc độ nhìn nhân vật như là một nạn nhân của nạn đói, cảm thông tình thế đặc biệt của nhân vật và có cái nhìn yêu thương, trân trọng đối với những biểu hiện đáng quý của người vợ nhặt như: không chịu chấp nhận lời nói đùa ăn trầu, nghiêng nón che mặt và tỏ vẻ ngượng nghịu khó chịu khi bị nhìn soi mói trên đường về nhà Tràng, chỉ ngồi mớm ở mép giường khi vào nhà,...

Bình luận về các ý kiến

Thí sinh có thể có những cảm nhận khác nhau nhưng vẫn cần nhận ra những đặc điểm cơ bản gắn với cảnh ngộ và phẩm chất của nhân vật – được Kim Lân khắc họa đầy chân thực và cảm động:

– Bị nạn đói dồn vào cảnh ngộ bi thảm nên trở nên liều lĩnh, trơ trẽn, chấp nhận theo không người đàn ông.

– Trong bi thảm, người vợ nhặt vẫn có biểu hiện ý tứ, mực thước, có ý thức giữ gìn phẩm giá.

– Trong bi thảm, nhân vật người vợ nhặt vẫn âm thầm nuôi dưỡng niềm khát khao cuộc sống gia đình, niềm mong chờ chính đáng về cuộc sống ngày mai.

Đánh giá :

– Cả hai ý kiến đều có cơ sở dù cách đánh giá về nhân vật có sự trái ngược nhau.

- Ý kiến thứ nhất thiên về hiện tượng, về biểu hiện của nhân vật. Ý kiến thứ hai vẫn có cơ sở từ biểu hiện và hành động nhân vật nhưng đã có sự lưu ý về bản chất nhân vật.
- Tuy nhiên, cần đặt nhân vật trong hoàn cảnh sống(nạn đói khủng khiếp) và trong suốt chiều dài tác phẩm : ý kiến thứ 2 chân thực và xác đáng hơn

Kết bài : đánh giá chung về hai ý kiến, về nhân vật Thị và tác phẩm Vợ nhặt – Kim Lân

Lưu ý : các em cần lấy dẫn chứng từ tác phẩm để chứng minh ý kiến

Đề 8 : Cảm nhận về đẹp của các nhân vật trong truyện ngắn Vợ Nhặt của Kim Lân

Đáp án : **Bài làm:**

“Vợ Nhặt” là truyện ngắn xuất sắc nhất của nhà văn Kim Lân in trong tập “con chó xấu xí” xuất bản năm 1962 . Tác phẩm có tiền thân là tiểu thuyết “Xóm ngụ cư” được viết sau Cách mạng tháng Tám nhưng dang dở và thất lạc bản thảo . Có lẽ nạn đói khủng khiếp và dữ dội năm 1945 đã hằn sâu trong tâm trí Kim Lân , điều đó đã thôi thúc ông viết tiếp thiên truyện – tác phẩm “Vợ Nhặt” ra đời . Lần này Kim Lân đã đưa vào tác phẩm một khám phá rất mới mẻ , đó là vẻ đẹp của tình người , của niềm hi vọng vào cuộc sống của những người nông dân nghèo khổ tiêu biểu như Tràng , như thị và bà cụ Tứ .

(P/S : mở bài chưa lời cuốn, hơi khô và gượng gạo, chưa bám sát yêu cầu của đề)

Nếu như “Nam Cao thường viết về những cái chết nhưng là những cái chết đòi được sống” thì Kim Lân trong một lần phát biểu, ông đã từng nói : “Khi viết về nạn đói , người ta thường viết về sự khốn cùng và bi thảm . Khi viết về những con người năm đói người ta hay nghĩ đến những con người chỉ nghĩ đến cái chết . Tôi muốn viết một truyện ngắn nhưng những con người ấy không nghĩ đến cái chết mà vẫn hướng đến cuộc sống , vẫn hi vọng , vẫn tin tưởng vào tương lai . Họ vẫn muốn sống , sống cho ra con người .” Đó chính là tình yêu thương con người với con người , tình hữu ái giai cấp và niềm hi vọng về cuộc sống , về tương lai tươi sáng của những con người đang đứng bên bờ vực thẳm của cái chết . Bằng cách tái hiện thảm cảnh đói khát năm 1945 và cuộc sống của ba người nông dân nghèo khổ là Tràng , là thị và bà cụ Tứ , Kim Lân đã cho ta thấy bức tranh hiện thực cuộc sống khốn cùng trong đại nạn đói năm Ất Dậu 1945 thảm hại , thê lương . Trong đó ngổn ngang những cái thây nằm chồng queo bên đường , những kẻ sống như người chết , xanh xám hay đi lại vật vờ như những bóng ma , những tiếng khóc hờ , nhưng tiếng quạ kêu gào thảm thiết . Nhưng sâu sắc hơn tác giả giúp ta cảm nhận được những phẩm chất tốt đẹp của người nông dân Việt Nam đó là dù trong đói khổ họ vẫn sẵn sàng yêu thương đùm bọc lẫn nhau , dù đang cận kề với cái chết họ vẫn khát khao hướng về cuộc sống , khát khao hạnh phúc gia đình , họ vẫn lạc quan nhìn về một ngày mai tươi sáng . Trong cái không gian tối đen như mực ấy , những mầm sống , những tình cảm yêu thương chân thành , bình dị nhưng rất đỗi cao quý vẫn đang cố gắng vươn đến tương lai .

Cả ba nhân vật xuất hiện trong tác phẩm của Kim Lân đều có chung một hoàn cảnh đó là họ sống trong đại nạn đói năm 1945 , cả ba nhân vật đều đang bị cơn bão táp

đói khát khủng khiếp đó quăng quật , vùi dập . Đầu tiên xuất hiện trong tác phẩm là nhân vật Tràng . Tràng , một cái tên rất đời bình thường , đó là tên của một dụng cụ trong nghề mộc , rất mộc mạc . Tràng là một chàng nông dân nghèo sống ở xóm ngụ cư – thời đó xóm ngụ cư bị xem là xóm của những kẻ ăn nhờ ở đậu và rất bị coi thường . Anh sống cùng một mẹ già – cũng chính là bà cụ Tứ trong một túp lều xiêu vẹo trên một mảnh vườn mộc toàn cỏ dại và mưu sinh bằng việc đẩy xe bò thuê . Hoàn cảnh vô cùng nghèo khổ , Tràng là một trong những nạn nhân chịu tác động ghê gớm nhất của cơn bão táp đói khát . Theo Kim Lân miêu tả , Tràng còn là một thanh niên xấu xí được : hai con mắt nhỏ tí , lúc nào cũng gà gà đăm đăm như nhìn vào bóng chiều , thân hình to lớn , vập vập , thô kệch , cái lưng thì rộng như lưng gấu , cái đầu trọc nhẵn , có thể nói rằng Tràng giống như một sản phẩm bị lỗi của tạo hóa . Danh ngôn có câu: “Hãy suy nghĩ những gì bạn nói chứ đừng nói những gì bạn nghĩ” còn Tràng thì có thì có tật vừa đi vừa nói lảm nhảm , than thở những điều anh ta nghĩ , điều này cho chúng ta thấy Tràng còn là một người ngờ nghệch và ngốc nghếch , cũng có thể nói là dở hơi nữa . Đến đây Kim Lân hoàn toàn cho ta thấy anh cu Tràng là một trong những con người nghèo khổ và thuộc lớp người đáy cùng của xã hội thời bấy giờ .

Qua những nét vẽ ngoại hình và tính cách nhân vật Tràng mà nhà văn Kim Lân cho ta thấy ở trên , ta chưa thể thấy được vẻ đẹp tiềm ẩn của nhân vật . Vẻ đẹp của nhân vật Tràng được Kim Lân miêu tả qua hai lần gặp gỡ thị ở trên tỉnh. Lần thứ nhất Tràng gặp thị chỉ qua câu hò bông đùa “Muốn ăn cơm trắng mấy giò! Lại đây mà đẩy xe bò với anh, nì”. Một câu hò chơi cho đỡ nhọc có lẽ bật lên từ thói quen tự nhiên của Tràng . Lần thứ hai , Tràng gặp thị , lần này thì thực sự vẻ đẹp của nhân vật mới được bộc lộ . Khi nhận ra thị , nhớ ra câu hò bông quơ lần trước , Tràng toét miệng cười : “Chả hôm ấy thì hôm nay vậy ”. Tràng tỏ ra có trách nhiệm với câu bông đùa của mình . Rồi : “Này hăng ngồi xuống ăn miếng giầu cái đã”, miếng giầu là đầu câu chuyện , là một trong những nét đẹp văn hóa của người Việt , một lời mời mang tính chất xã giao lịch sự . Thị không ăn giầu thì Tràng : “Đây muốn ăn gì thì ăn” và còn vỗ vỗ vào túi: “rích bố cu”nghĩa là giàu có , nhiều tiền , ta có thể thấy đây là một chàng trai cực kì hào phóng , có khả năng làm điểm tựa cho thị . Khi thị ăn liền một chặp bốn bát bánh đúc , Tràng vẫn giữ thái độ thản nhiên bình thường mặc dù với Tràng trong thời đoạn này để kiếm được tiền mua bốn bát bánh đúc cũng không phải là chuyện dễ dàng . “Này nói đùa chứ có về với tớ thì ra khuân hàng lên xe rồi cùng về” lời nói tưởng như đùa nhưng có lẽ nó xuất phát từ tình yêu thương , khát khao hạnh phúc bấy lâu nay ấp ủ , bật lên từ một khao khát đã có từ lâu trong Tràng . Đó là khao khát hạnh phúc . Khi thị đồng ý theo thật , lúc đầu Tràng cũng “chợn nghĩ” , nghĩa là Tràng cũng sợ . Có thể nói đó là một nỗi sợ chính đáng , một nỗi sợ hãi không hạ thấp nhân vật mà ngược lại đã

cho ta thấy rằng Tràng cũng nhận thức sâu sắc hiện thực cuộc sống . Nhưng nỗi sợ hãi chỉ tồn tại trong Tràng có giây lát , Tràng đã “chặc kệ”, đã quyết định khá liều lĩnh đó là “đèo bồng”thêm thị . Như vậy dù sợ hãi nhưng khao khát hạnh phúc trong Tràng là quá lớn nên Tràng đã có thể chiến thắng được nỗi sợ hãi , Tràng đã đưa thị về ở cùng . Trước khi đưa thị về Tràng còn đưa thị vào chợ tỉnh mua vài thứ lặt vặt và cùng ăn một bữa no nê . Trong những thứ lặt vặt mà anh mua có cả hai hào dầu thấp sáng . Như vậy hành động của Tràng có thể nói là quá xa xỉ trong hoàn cảnh hiện tại , thế nhưng nó lại cho ta thấy Tràng cực kì trân trọng hạnh phúc mà Tràng đang có , cực kì trân trọng người phụ nữ đồng ý theo không Tràng . Tới đây Kim Lân cho ta thấy Tràng từ một chàng thanh niên ngờ nghệch , ngốc nghếch trở thành một chàng trai lịch sự , hào phóng , giàu lòng nhân hậu , sẵn sàng đùm bọc , cứu mang những người đồng cảnh ngộ . Dù trong hoàn cảnh nào thì Tràng cũng luôn khát khao hạnh phúc đến mãnh liệt .

Trên đoạn đường đưa thị về nhà mặt Tràng có một vẻ gì phớn phở khác thường . Tràng tủm tỉm cười một mình và hai mắt thì sáng lên lấp lánh . Tràng vênh vênh cái mặt lên tự đắc , có thể nói Tràng đang vô cùng sung sướng và hạnh phúc vì khát khao hạnh phúc bấy lâu nay ấp ủ bấy giờ được thỏa mãn . Tràng sung sướng lắm , Tràng tự hào về người phụ nữ đi bên . Có lẽ Tràng và thị đã bắt đầu có những dấu hiệu của tình cảm nam nữ , tình cảm đôi lứa .

Khi Tràng đưa thị về nhà ra mắt mẹ , chúng ta có lẽ rất tò mò , sốt ruột chờ xem anh Tràng ngờ nghệch , ngốc nghếch thừa chuyện cưới xin với mẹ như thế nào . Khi mẹ Tràng – bà cụ Tứ chưa về , Tràng nóng lòng sốt ruột mong ngóng mẹ , hét chạy ra ngõ đứng ngóng lại chạy vào sân nhìn trộm vào trong nhà . Khi mẹ về đến nhà thì Tràng reo lên như đứa trẻ được quà và lật đật chạy ra đón . Khi bà cụ Tứ vào tới nhà , thấy bà tỏ ý không hiểu thì Tràng đã liền mời mẹ ngồi lên vị trí trang trọng nhất : “thì u hẵng ngồi lên giường lên giéc chính chện cái đã nào” , rồi “kia nhà tôi nó chào u”. Cách xưng hô của Tràng “nhà tôi” nghe thân mật gần gũi , cách gọi này khiến cho người được gọi – ở đây là thị cảm thấy yên tâm , cảm thấy được bao bọc . Tràng giới thiệu thị với mẹ : “Nhà tôi nó mới về làm bạn với tôi đây u ạ ! Chúng tôi phải duyên phải kiếp với nhau . . . chẳng qua nó cũng là cái số . . .” Đây là một lời giới thiệu có thể nói là cực kì khéo léo , Tràng dùng từ “bạn” chứ không dùng từ “vợ” , từ bạn mang sắc thái trung hòa và mối quan hệ bạn bè ít bị cần đoán . Tràng hiểu lễ nghi , phép tắc của người Việt , nếu dùng từ “vợ” sẽ làm cho mẹ Tràng cảm thấy bị qua mặt . Tràng nói đến “duyên” , “kiếp” , “số” là những thứ tiền định , trời định , là con đường được vạch sẵn mà mỗi người phải đi theo , Tràng đã đặt mẹ vào tình huống khó chối từ . Một anh chàng ngốc nghếch , ngờ

nghech giờ lại trở thành một anh chàng thông minh khéo léo , phải chăng hạnh phúc đã làm con người ta đổi thay .

Trong buổi sáng ngày hôm sau , đó là một buổi sáng mùa hè , Tràng thức dậy với niềm vui sướng phấn chấn , Tràng nhìn căn nhà của mình và thấy nó có sự đổi mới , khác lạ , nhà cửa , sân vườn được quét tước , thu dọn sạch sẽ và như có sinh khí mới . Cảnh tượng thật đơn giản , bình thường nhưng đối với Tràng lại rất thấm thía và cảm động . Bỗng Tràng thấy yêu thương gắn bó với cái nhà của hắn lạ lùng . Một nguồn vui sướng phấn chấn , đột ngột tràn ngập trong lòng . Bây giờ Tràng mới thấy mình nên người , thấy mình có bốn phận lo cho vợ con sau này . Đến đây ta cũng thấy được Tràng là người đàn ông biết coi trọng gia đình , có bốn phận lo cho vợ là hiện tại , cho con là tương lai , xứng đáng là hình mẫu của người đàn ông trong gia đình . Tràng thực sự đã trưởng thành .

Sau những thông thị kể về việc đám người đói đi phá kho thóc Nhật , Tràng đã nghĩ tiếc vắn vợ bởi vì có hôm Tràng đã gặp nhưng do không hiểu Tràng đã tránh đi lối khác . Từ đấy , hình ảnh đám người đói và lá cờ đỏ sao vàng cứ trở đi trở lại . Có lẽ , con đường đi tiếp theo của Tràng là đến với cách mạng nếu Tràng có thời cơ , gặp được hoàn cảnh phù hợp . Trong Tràng có phẩm chất của một người cách mạng .

Kim Lân đã tập trung xây dựng hình tượng nhân vật Tràng bằng những ngòi bút khéo léo . Tràng được miêu tả từ ngoại hình đến tính cách đến hành động nhưng sâu sắc hơn là dòng diễn biến tâm trạng tự nhiên , khéo léo , linh hoạt . Tràng từ một anh thanh niên nghèo xấu xí , ngờ nghệch , dần dần trở thành một chàng trai lịch sự , hào phóng , giàu tình yêu thương , khát khao hạnh phúc , đỉnh đặc đường hoàng , suy nghĩ chín chắn . Tràng là một trong những nhân tố của quá trình cách mạng sau này .

Đi theo sau Tràng là thị , nhân vật thứ hai xuất hiện trong tác phẩm . Tràng và thị gặp nhau ở trên tỉnh , qua hai lần gặp gỡ , những lời bông đùa , mấy câu nói tầm phơ tầm phào, lời mời xã giao và bốn bát bánh đúc, thị theo không Tràng về nhà. Nhưng thị là ai ? “Thị” là từ để gọi chung cho những người phụ nữ . Thị ở đây có thể là một người mà Kim Lân đã gặp đâu đó trong đám người đói nhưng chưa kịp biết tên , hoặc những người như thị không chỉ có một mà có rất nhiều số phận những người phụ nữ khốn khổ như vậy trong đại nạn đói năm 1945 . Thị là người vô gia cư , không có việc để làm , hàng ngày cùng mấy chị con gái ngồi vêu ra trước cửa nhà kho , lê la nhặt hạt rơi hạt vãi , rồi ai có việc gì thì người ta thuê. Cuộc sống của thị bấp bênh , khốn khó , so với Tràng thị còn tội nghiệp hơn nhiều.

Có thể nói thị là nạn nhân chịu tác động ghê gớm nhất của cơn bão táp đói khát . Lần thứ hai gặp Tràng , quần áo thị rách tả tơi như tổ đĩa , thị gầy sọp hẳn đi , trên khuôn mặt lưỡi cày xám xịt chỉ còn thấy hai con mắt trũng hoáy . Trông thị thật xấu xí , gầy gò và rách rưới.. Qua vẻ ngoại hình tàn tạ của thị là bằng chứng Kim Lân cho ta thấy thị đang bị cơn bão táp đói khát quăng quải , giằng xé đến tả tơi . Thị đang đang bị quăng ra giữa dòng xoáy của đói khát , thị đang rất cần , rất cần một chiếc phao cứu sinh .

Cũng như nhân vật Tràng , ta chưa thể thấy được vẻ đẹp của nhân vật này chỉ qua hoàn cảnh và ngoại hình của thị . Lần thứ nhất gặp Tràng ở trên tỉnh , thị hành động của thị rất tự nhiên , lời nói cũng rất mạnh mẽ : khi bị mấy chị con gái đẩy ra đẩy xe bò cho Tràng thì thị cũng cong cớn đáp đùa lại rồi đứng dậy , lon ton chạy lại đẩy xe bò cho Tràng . Lần thứ hai gặp Tràng , lần này thấy Tràng , thị sầm sập chạy tới rồi trách cứ Tràng :“hôm ấy leo leo cái mồm hện xuống thế mà mắt mặt .”Có lẽ lúc này thị đang quá đói , ta nhận ra điều này khi Kim Lân miêu tả thị , và Tràng bây giờ như một hi vọng để thị có thể bầu vịu. Khi Tràng mời ăn giàu :“Có ăn gì thì ăn , chả ăn giàu”, thị đang đói lắm . Và khi được tràng mời ăn thì thị vẫn còn kịp hỏi lại :“Ăn thật nhá” , Tràng: “Rích bố cu”thì thị đã ngồi xuống ăn liền một chặp bốn bát bánh đúc chả chuyện trò gì . Ăn xong thị đã chống chèo cho cái sự ngược ngùng của mình bằng một câu nói: “về chị ấy thấy hụt tiền thì bỏ bố.” Thị đang quá đói nên lời mời của Tràng như một chiếc phao cứu sinh khi đang ở giữa dòng nước lũ. Thị đã bám vịu thật chặt để sinh tồn, phải chăng đó chính là hành động của mọi con người khi bị đẩy bên bờ vực của cái chết mà họ vẫn khao khát cuộc sống. Có ý kiến cho rằng thị đã ăn thật khi Tràng mời chỉ mời xã giao nhưng khi buộc tội thị họ đã từng có bị đói như thị , đói , đói đến có thể chết nếu như thị còn lưỡng lự dù chỉ một giây trước lời mời ăn của Tràng , thị có nguy cơ bị cơn bão táp nuốt chửng , một giây thôi là sẽ tuột mất cơ hội cứu lấy mạng sống của mình . Thị đã chớp lấy cơ hội để được sống , để được tiếp tục sống, từ đây Kim lân đã làm sáng lên khao khát được sống mãnh liệt trong thị. Khi Tràng tiếp tục nói :“. . . có về với tớ thì ra khuân hang lên xe rồi cùng về ” -thực sự lúc này Tràng đã trở thành chỗ dựa vững chắc trong suy nghĩ của thị. Thị nghĩ Tràng không chỉ giúp mình được sống mà còn có thể sống tốt nên thị đã đồng ý theo Tràng về thật. Đến đây, Kim Lân thực sự đã khẳng định rằng tất cả những hành động của thị, những quyết định của thị đều xuất phát từ khát khao được sinh sống, được tồn tại.

Trên đường theo Tràng về nhà, thị có vẻ rón rén, e thẹn, ngược ngùng, không còn thấy vẻ cong cớn của cô thị ở trên tỉnh. Khi về tới nhà Tràng, thị thấy gia cảnh nhà Tràng cũng dùm dó, xiêu vẹo, chông chênh, hoàn toàn khác với những gì thị trông mong, thị thất vọng. Ngay lúc này, thị có thể bỏ đi, việc này cũng dễ hiểu vì những

gì thị mong đợi là hoàn toàn không có thật. Thế nhưng Kim Lân đã cho chúng ta thấy thị nén một tiếng thở dài khi nhìn vào gia cảnh nhà Tràng, nghĩa là thị đang kìm nén sự thất vọng, thị đã chấp nhận thực tại. Khi Tràng đưa thị ra mắt bà cụ Tứ, mặc dù được bà cụ Tứ cư xử rất ôn hòa nhưng thị vẫn không tránh được sự tủi hổ, xót xa. Thị cúi xuống, tay vân vê tà áo đã rách bợt. Trong buổi sáng ngày hôm sau thị dậy sớm cùng mẹ quét tước, dọn dẹp nhà cửa và chuẩn bị bữa cơm đầu tiên. Tràng nom thị hôm nay rõ ràng là người người đàn bà hiền hậu đúng mực, không có vẻ gì chao chát, chông lỏn như mấy lần Tràng gặp ở ngoài tỉnh. Quả thật trong mắt Tràng, thị cũng là người vợ đảm, dâu hiền. Trong bữa cơm ngày đói, khi bà cụ Tứ bung lên món thứ hai gọi là “chè khoán” nhưng thực chất lại là “cháo cám” thị đã rất thất vọng, hai con mắt thị tối lại nhưng thị vẫn điềm nhiên và miếng cháo cám vào miệng. Điều này chứng tỏ thị biết cách cư xử tế nhị. Trong sâu thẳm suy nghĩ, thị đã đồng cảm với những khó khăn của gia đình Tràng mà bây giờ nó cũng là tổ ấm của thị. Thị đã kể với Tràng về những đám người đói đi phá kho thóc Nhật. Chính thị đã vẽ cho Tràng đi tới tương lai, đến với cách mạng và có thể nói hướng đi đó mới là hướng đi đúng đắn để đảm bảo cho những con người khôn khổ có tương lai.

Thị cũng là một con người khôn khổ, khôn khổ đến cùng cực nhưng ta có thể thấy được ở thị có những phẩm chất tốt đẹp đó là người vợ hiền, dâu thảo, biết đồng cảm, cư xử đúng mực, tế nhị. Cũng như Tràng, dù trong bất kì hoàn cảnh nào thị cũng vẫn khát khao được sống.

Nhân vật thứ ba trong tác phẩm là bà cụ Tứ – mẹ của Tràng. Bà là một nông dân nghèo khổ và cũng là một nạn nhân trong đại nạn đói năm 1945. Tuy nhiên khác với Tràng và thị, bà là thế hệ đi trước, đã từng trải, bà cụ đã già, sức đã yếu. Khi Tràng đưa thị về ra mắt, bà cụ rất ngạc nhiên khi nhìn thấy một người đàn ông đứng ngay đầu giường thằng con trai mình, trong đầu bà đặt ra hàng loạt những câu hỏi. Mắt bà nhoèn ra, dường như bà không tin vào mắt mình, không tin vào những gì bà đang nhìn thấy. Khi nghe Tràng giới thiệu xong về người đàn bà, bà lão cúi đầu nín lặng. Bà đã hiểu rồi. Lòng người mẹ ấy hiểu ra biết bao cơ sự, vừa ai oán vừa xót thương cho số kiếp đứa con mình. Bà thương con trai, bà tự trách mình không lo được việc dựng vợ cho con. Bà còn thương, còn đồng cảm thấu hiểu cho nàng dâu mới. Bà không coi thường thị vì bà cho rằng thị có gặp bước khó khăn, đói khổ thị mới lấy đến con trai của bà, con bà mới có được vợ. Mặc dù thị là người phụ nữ theo không, không cưới hỏi, không lễ nghi nhưng bà vẫn trân trọng người phụ nữ ấy. Như vậy ta có thể thấy bà cụ Tứ là một người mẹ thương con, thấu hiểu, đồng cảm với con, bà là người phụ nữ giàu lòng nhân hậu, đồng cảm với người đồng cảnh ngộ và sẵn sàng đùm bọc cứu mang những con người ấy.

Bà lão đồng ý cho Tràng nên vợ nên chồng, bà nói: “Ừ, thôi thì các con đã phải duyên phải kiếp với nhau, u cũng mừng lòng. . .”nghĩa là bà cũng đồng ý trong sự vui mừng và mãn nguyện. Bà vui cùng niềm vui của con, bà lo trước nỗi lo của con. Có thể nói trong hoàn cảnh này bà cụ Tứ xứng đáng là một người mẹ vĩ đại sẵn sàng đổi mặt với khó khăn thiếu thốn để con mình được hạnh phúc. Khi các con mình bắt đầu bước trên con đường đời mới bà đã động viên, an ủi các con “ai giàu ba họ , ai khó ba đời”. Bà đã gieo vào trong đầu các con một ánh nhìn lạc quan, một hi vọng vào ngày mai tươi sáng bởi đời bà và Tràng đã khổ thì đến đời con của Tràng chắc chắn sẽ bớt khổ hơn. Trong buổi sáng ngày hôm sau, bà lão cũng có vẻ gì đó khác ngày thường, cái mặt bủng beo u ám của bà rạng rỡ hẳn lên, bà lão xăm xắn thu dọn quét tước nhà cửa. Bữa cơm ngày đói trông thật thảm hại. Giữa cái mệt rách có độc một lùm rau chuối thái rối , và một đĩa muối ăn với cháo. Nhưng không khí trong bữa ăn thật vui vẻ, cả nhà đều ăn rất ngon lành vì bà cụ Tứ nói toàn chuyện vui, chuyện làm ăn sung sướng về sau này. Khi nôi cháo loãng mỗi người chỉ được hai lưng đã cạn , bà bê lên món ăn thứ hai, món “cháo cám” nhưng bà lại gọi bằng “chè khoán”. Chè khoán là món ăn mà trong lúc đói có thể coi là cao lương mỹ vị. Bà vừa múc cho các con ăn, vừa cười, vừa khen ngon, vừa động viên các con: “Xóm ta còn khỏi nhà chả có cám mà ăn đấy.” Trong bữa cơm ngày đói, ta có thể ví bà cụ Tứ như một bà tiên với đôi đũa thần trong tay, chạm vào cảnh nào đều thấy ấm cúng, chạm vào món nào, món ấy đều trở thành cao lương mỹ vị. Năng lượng đôi đũa thần trong tay bà cụ Tứ chính là niềm lạc quan.

Với nghệ thuật xây dựng diễn biến tâm trạng nhân vật tự nhiên, sinh động, Kim Lân đã cho ta thấy bà cụ Tứ là một người nông dân nghèo gần đất xa trời nhưng giàu lòng thương con, giàu tình nhân hậu, đồng cảm, bao dung với những người khốn khổ. Đặc biệt bà là người luôn lạc quan, luôn luôn tin tưởng vào tương lai tươi sáng mặc dù hiện thực tối tăm mà bà đã nhiều lần nhận thức được rất rõ.

Như vậy bằng việc miêu tả nhân vật từ ngoại hình đến tính cách , đặc biệt là dòng diễn biến tâm trạng nhân vật, Kim Lân đã làm bật lên vẻ đẹp của cả ba nhân vật trong truyện ngắn. Đó cũng chính là vẻ phẩm chất tốt đẹp của người nông dân Việt Nam. Dù trong đói khổ họ vẫn sẵn sàng yêu thương đùm bọc lẫn nhau, dù đang cận kề với cái chết họ vẫn khát khao hướng về cuộc sống, khát khao hạnh phúc gi đình, họ vẫn lạc quan nhìn về một ngày mai tươi sáng.

Đề 9 : Giá trị nhân văn trong “Vợ nhặt ” Kim Lân

Đáp án : Đề bài :

Từ truyện ngắn *Vợ Nhặt* của Kim Lân, anh (chị) hãy trình bày suy nghĩ của mình về nhận định: Một tác phẩm văn học hay thường chứa đựng trong nó những giá trị nhân văn cao đẹp.

Định hướng cách làm

Có thể triển khai theo nhiều cách nhưng bài viết cần làm rõ được các ý chính sau:

a/ Mở bài: (0.5)

– Dẫn dắt vào vấn đề

– Nêu nhận định và khẳng định ý kiến đó là chính xác.

b/ Thân bài:

– Giải thích nhận định: (0,5)

– Phân tích chứng minh, làm sáng tỏ ý kiến bằng dẫn chứng từ truyện ngắn Vợ Nhặt của Kim Lân: Đặt các nhân vật vào một tình huống éo le, Kim Lân đã làm nổi bật được nhiều giá trị nhân bản sâu sắc:

+ Dù không có những lời kết tội to tát, tác phẩm vẫn tố cáo một cách thật sâu sắc tội ác của bọn thực dân, phát xít và tay sai đã gây ra nạn đói khủng khiếp năm 1945. Bông tối và cái chết phủ xuống mọi nơi. Trong hoàn cảnh ấy, giá trị con người thật rẻ rúng. Người ta có thể quên đi danh dự, có thể nhận theo không người khác chỉ với vài ba bát bánh đúc. (1,5)

+ Tố cáo kẻ thù, Kim Lân cũng đồng thời cảm thông và trân trọng những phẩm chất tốt đẹp của người lao động (nhất là những người phụ nữ, người mẹ). DC

+ Một trong những đặc sắc nổi bật làm nên giá trị nhân đạo sâu sắc của truyện là sự khám phá ra vẻ đẹp tinh thần của người nông dân Việt Nam: dù ở trong những tình huống bi thảm đến đâu, dù kề bên cái chết họ vẫn khao khát hạnh phúc, vẫn hướng về ánh sáng, vẫn vững tin vào sự sống và tương lai. (1,5)

– Đánh giá chung vấn đề: (0,5)

+ Giá trị nghệ thuật, giá trị nội dung .

+ Khẳng định lại vấn đề.

c/ Kết bài:

Khái quát lại vấn đề, rút ra bài học cho bản thân (0,5)

Đề 10 : Cảm nhận của anh/chị về những vẻ đẹp khuất lấp của nhân vật người vợ nhặt (Vợ nhặt – Kim Lân) và nhân vật người đàn bà hàng chài (Chiếc thuyền ngoài xa – Nguyễn Minh Châu)

Đáp án

MỞ BÀI

Giới thiệu khái quát về hai nhân vật trong hai tác phẩm :

– Kim Lân là nhà văn chuyên viết về nông thôn và cuộc sống người dân quê, có sở trường về truyện ngắn. Vợ nhặt là truyện ngắn xuất sắc , viết về tình huống “nhặt vợ” độc đáo, qua đó thể hiện niềm tin mãnh liệt vào phẩm chất tốt đẹp của những con người bình dị trong nạn đói thê thảm.

– Nguyễn Minh Châu là nhà văn tiêu biểu thời chống Mỹ, cũng là cây bút tiên phong thời đổi mới. Chiếc thuyền ngoài xa là truyện ngắn xuất sắc ở thời kì sau, viết về lần giáp mặt của một nghệ sĩ với cuộc sống đầy nghịch lí của một gia đình hàng chài, qua đó thể hiện lòng xót thương, nỗi lo âu đối với con người và những trăn trở về trách nhiệm của người nghệ sĩ.

THÂN BÀI

1. Làm rõ đối tượng thứ nhất : Nhân vật người vợ nhặt :

– Giới thiệu chung : Tuy không miêu tả thật nhiều nhưng nhân vật người vợ nhặt vẫn là một trong ba nhân vật quan trọng của tác phẩm. Nhân vật này được khắc họa sống động, theo lối đối lập giữa bề ngoài và bên trong, ban đầu và về sau.

– Một số vẻ đẹp khuất lấp tiêu biểu :

+ Phía sau tình cảnh trôi dạt, vất vưởng là một lòng ham sống mãnh liệt. (dẫn chứng)

+ Phía sau vẻ nhếch nhác, dơ dáy, lại là một người hiểu biết, ý tứ.(dẫn chứng)

+ Bên trong vẻ chao chát, cong cớn, chông lòn lại là một người phụ nữ hiền hậu, đúng mực, biết lo toan. (dẫn chứng)

2. Làm rõ đối tượng thứ hai : Nhân vật người đàn bà hàng chài

– Giới thiệu chung : Là nhân vật chính, có vai trò quan trọng với việc thể hiện tư tưởng của tác phẩm. Nhân vật này được khắc họa sắc nét, theo lối tương phản giữa bên ngoài và bên trong, giữa thân phận và phẩm chất.

– Một số vẻ đẹp khuất lấp tiêu biểu.

+ Bên trong ngoại hình xấu xí, thô kệch là một tấm lòng nhân hậu, vị tha, độ lượng, giàu đức hi sinh. (dẫn chứng)

+ Phía sau vẻ cam chịu, nhẫn nhục vẫn là một người có khát vọng hạnh phúc, can đảm, cứng cỏi. (dẫn chứng)

+ Phía sau vẻ quê mùa, thất học lại là một người phụ nữ thấu hiểu, sâu sắc lẽ đời. (dẫn chứng)

3. So sánh : Nét tương đồng và khác biệt giữa hai đối tượng trên cả hai bình diện nội dung và hình thức nghệ thuật :

– Tương đồng : Cả hai nhân vật đều là những thân phận bé nhỏ, nạn nhân của hoàn cảnh. Những vẻ đẹp đáng trân trọng của họ đều bị đời sống cơ cực lam lũ làm khuất lấp. Cả hai đều khắc họa bằng những chi tiết chân thực...

– Khác biệt : Vẻ đẹp được thể hiện ở nhân vật người vợ nhặt chủ yếu là phẩm chất của một nàng dâu mới, hiện lên qua các chi tiết đầy dư vị hóm hỉnh, trong nạn đói thê thảm. Vẻ đẹp được khắc sâu ở nhân vật người đàn bà hàng chài là những phẩm chất của một người mẹ nặng gánh mưu sinh, hiện lên qua các chi tiết đầy kịch tính, trong tình trạng bạo lực gia đình...

4. Lí giải sự khác biệt :

+ Vẻ đẹp khuất lấp của người vợ nhặt được đặt trong quá trình phát triển, biến đổi từ thấp đến cao (cảm hứng lãng mạn), trong khi đó người đàn bà hàng chài lại tĩnh tại, bất biến như một hiện thực nhứt nhối đang tồn tại (cảm hứng thực sự – đời tư trong khuynh hướng nhận thức lại)

+ Sự khác biệt giữa con người giai cấp (Vợ nhặt) với quan niệm con người đa dạng phức tạp (Chiếc thuyền ngoài xa) đã tạo ra sự khác biệt này.

KẾT BÀI

– Khái quát những nét giống và khác nhau tiêu biểu và nêu những cảm nghĩ của bản thân. (Học sinh dựa vào gợi ý trên để viết kết bài. Có nhiều cách kết bài khác nhau, hướng dẫn trên chỉ có tính chất tham khảo)

Lưu ý :

Trong quá trình làm bài, học sinh không nhất thiết phải tuân thủ nghiêm ngặt quy trình trên. Có thể phối hợp nhiều bước cùng một lúc. Chẳng hạn, có thể đồng thời vừa phân tích làm rõ, vừa thực hiện nhiệm vụ so sánh trên hai bình diện nội dung và hình thức nghệ thuật, vừa lí giải nguyên nhân vì sao có sự khác biệt. Hoặc chỉ trong bước so sánh, học sinh có thể vừa so sánh, vừa lí giải. Tuy nhiên, nếu thực hiện theo quy trình này thì bài viết không khéo rơi vào rối rắm, luẩn quẩn. Tốt nhất là hướng dẫn học sinh thực hiện từng bước theo như dàn ý khái quát.

Đề 11 : Cảm nhận của anh chị về hành động Mị chạy theo A Phủ trong ” Vợ chồng A phủ và hành động thị theo không Tràng về làm vợ trong “Vợ nhặt” Kim Lân.

Đáp án : Định hướng cách làm bài

Mở bài :

+Giới thiệu Tác phẩm Vợ chồng A phủ của Tô Hoài

+Giới thiệu Tác phẩm Vợ nhặt của Kim Lân

+Giới thiệu vấn đề nghị luận : hành động Mị chạy theo A Phủ và hành động thị theo không Tràng về làm vợ

Tham khảo :

Có thể nói, khi con người lâm vào bước đường cùng, khi sự sống và cái chết gần kề gang tấc, người ta thường có những hành động bất ngờ, dữ dội, quyết liệt. Sức mạnh ngòi bút nhân đạo của Tô Hoài và Kim Lân không chỉ dừng lại ở tình cảm xót thương các nhân vật mà hơn thế nữa, các nhà văn còn khắc họa sức sống tiềm tàng, sức trỗi dậy mạnh mẽ của con người trước sự vùi dập của hoàn cảnh. Trường hợp hành động Mị chạy theo A Phủ trong ” Vợ chồng A phủ “và hành động thị theo không Tràng về làm vợ(Vợ nhặt”) là những ví dụ tiêu biểu .

Thân bài :

1. Phân tích hành động Mị chạy theo A phủ

+Vài nét về nhân vật Mị :

-Là cô gái xinh đẹp, con dâu gặt nợ, bị bóc lột, đày đọa về thể xác và tâm hồn

-Cô sống vật vờ y một cái bóng “lùi lũi như 1 con rùa nuôi xó cửa”...

+ Lí giải hành động My chạy theo A phủ

-Nhà văn đã phát hiện ra rằng bên trong tâm hồn người con gái ấy vẫn còn ẩn chứa một sức sống tiềm tàng, chỉ chờ có dịp là bùng nổ mạnh mẽ . Ngay sau khi bị rơi vào cảnh làm con dâu gạt nợ cô định tự tử vì ý thức được cuộc sống tủ nhục của mình và không chấp nhận cuộc sống ấy . Nhưng sự uất ức đến nỗi muốn chết ấy lại là một biểu hiện của lòng ham sống và khát vọng tự do, vì không muốn tiếp tục một cuộc sống đầy đọa nên cô đã tìm đến cái chết như một phương tiện giải thoát

-Tuy nhiên với tấm lòng nhân hậu đầy cảm thông, nhà văn vẫn nhận ra rằng khát vọng hạnh phúc trong Mị có thể bị vùi lấp, lãng quên đâu đó nhưng không thể bị tiêu tan . Vào một đêm tình mùa xuân trong ngày Tết, những yếu tố ngoại cảnh đánh thức kí ức và gọi lại kỉ niệm yêu đương bị lùi vấp bấy lâu trong tâm hồn lầm lũi thường ngày, trở thành tiếng gọi của sự sống mỗi lúc một rõ , một tha thiết. Thế là từ ngoại cảnh đã tác động đến cảm xúc , tâm trạng và cuối cùng là hành động .

-Trong cái trạng thái nửa say, nửa tỉnh, lại thêm sự thôi thúc của tiếng sáo réo rất đã dẫn Mị đến một hành động chưa từng thấy kể từ khi cô bước chân vào nhà thống lý Pá tra “cô quần lạ tóc và với tay lấy váy mới , chuẩn bị đi chơi”. Nhưng khi bị trói Mị bỗng ý thức được cảnh ngộ hiện tại của mình và trong lòng lại trào lên một nỗi đau xót, tủ nhục. Mị lại thổn thức , miên mang nghĩ về thân phận không bằng con trâu , con ngựa của mình rồi dần thiếp đi .

– Khi Mị chứng kiến cảnh A Phủ bị bắt trói ,ban đầu Mị thật thản nhiên. Mị dường như đã trở nên vô cảm trước tất cả. Nhưng khi Mị lé mắt trông sang thấy mắt A Phủ cũng vừa mở, một dòng nước mắt lấp lánh bò xuống hai hõm má đã xám đen lại...”thì Mị lại chợt bừng tỉnh “trông người lại nghĩ đến ta”. Hình ảnh ấy khiến Mị bỗng nhớ đến câu chuyện rừng rợn về những người đàn bà bị trói đứng cho đến chết trong nhà thống lí cũng trên cái cọc này và hồi ức đưa cô về với những lần chính mình bị đánh, bị trói trước đây... Ý nghĩ A Phủ rất có thể sẽ bị chết trong đêm nay đã hoàn toàn đánh thức tình thương và lòng căm hận trong lòng Mị. Từ thương người đến thương thân và tình thương ấy cứ lớn dần, lớn dần để rồi dẫn Mị đến với ý thức ngày càng rõ rệt hơn về một sự thật thật tàn bạo và vô lí, bất công . Ý thức đó đã thôi thúc Mị đứng dậy cắt dây trói cho A Phủ và bất giác chạy theo anh, cùng trốn khỏi Hồng Ngài

->>. Hành động bộc phát nhưng thật quyết liệt đó của Mị một phần là do sự thúc bách của tình thế khiến cô không thể làm khác, bởi cô hiểu rõ “ ở đây thì chết mất”. Nhưng mặt khác, đó cũng là quá trình tất yếu của một quá trình dồn nén, bức

xúc cả về thể chất lẫn tinh thần đối với Mị. Đồng thời đó cũng vừa là biểu hiện, vừa là kết quả của một sức sống tiềm tàng, mạnh mẽ đã được trỗi dậy trong con người Mị, kết thúc cả quãng đời đầy ải, tối tăm của cô trong nhà thống lí để bắt đầu một cuộc đời mới.

2. Phân tích hành động thị theo Tràng về làm vợ

+ Vài nét về nhân vật thị

– Cảnh ngộ : Người “vợ nhặt” là nạn nhân của nạn đói với cuộc sống trôi nổi, bấp bênh

– Thị bất chấp tất cả để được ăn, ăn để được tồn tại. Thị chấp nhận theo không Tràng về làm vợ

+Phân tích, lí giải hành động theo Tràng về làm vợ

– Bề ngoài Thị là người đanh đá, táo bạo tới mức trơ trên. Nghe anh chàng phu xe hò một câu cho đỡ nhọc thị đã cong cớn bám lấy rồi vùng đứng dậy, ton ton chạy lại đẩy xe cho Tràng. Gặp lần thứ hai, khi Tràng vừa trả hàng xong, thị đâu xâm xâm chạy đến. Thị đứng trước mặt mà sung sĩa ,cong cớn. Thấy có miếng ăn, hai con mắt trũng hoáy của thị tức thì sáng lên rồi thị ngồi sà xuống, ăn thật. Thị cầm đầu ăn một chạp bốn bát bánh đúc liền chẳng chuyên trò gì.

Người phụ nữ ấy hành động hoàn toàn theo bản năng của mình. Thị làm tất cả chỉ để được... ăn!

-Đó là ý thức bám lấy sự sống là vì để được sống chứ không phải là loại người lẳng lơ. Cận kề bên cái chết, người đàn bà không hề buông xuôi sự sống. Trái lại, thị vẫn vượt lên trên cái thảm đạm để dựng xây mái ấm gia đình. Niềm lạc quan yêu sống của thị chính là một phẩm chất rất đáng quý.

3. Nêu sự tương đồng và khác biệt

a, tương đồng :

-Họ là những số phận đáng thương, những cuộc đời nghiệt ngã và đầy bất hạnh. Nhưng không dừng lại ở việc khai thác những nỗi đau khổ, những bất công của xã hội, của cuộc sống đã đẩy cuộc đời họ vào những bế tắc cùng cực. Mà ở đây, các nhà văn đã tô đậm vẻ đẹp phẩm chất và tâm hồn người phụ nữ.

-Bằng tình yêu cuộc sống, khát vọng được sống mãnh liệt và với những phẩm chất tốt đẹp vốn có của người phụ nữ, họ đã vượt qua những rào cản, những bất công xã hội, vượt qua số phận bất hạnh để tìm đến hạnh phúc

– Những nhà văn này đã góp lên tiếng nói chung- tiếng nói nhân đạo đối với họ. Không những thể hiện sự quan tâm, thông cảm , đồng cảm với những số phận bất hạnh này mà những nhà văn còn trân trọng, ngợi ca những phẩm chất cao quý của người phụ nữ-luôn hướng về ánh sáng, hướng về cái đẹp .

b. Sự khác biệt :

– Nghệ thuật xây dựng nhân vật, nghệ thuật miêu tả nội tâm rất tinh tế...trong Vợ chồng A phủ- Tô Hoài (Phân tích ngắn gọn)

– Nghệ thuật xây dựng nhân vật, miêu tả nội tâm, xây dựng tình huống éo le, cảm động trong Vợ Nhật -Kim Lân (phân tích ngắn gọn)

– Sáng tạo về nội dung : Mỗi nhà văn đều tìm cho mình một hướng đi riêng, khắc họa phẩm chất , số phận của những người phụ nữ trong từng cảnh ngộ khác nhau : Kim Lân tập trung miêu tả số phận người phụ nữ trong nạn đói 1945, Tô Hoài tập trung khắc họa số phận , vẻ đẹp của người phụ nữ miền núi dưới ách áp bức thống trị của chúa đất phong kiến...

4. Lí giải sự khác nhau

+Do thể loại

+Do phong cách, cá tính sáng tạo của mỗi nhà văn

+Do hoàn cảnh

Kết bài : Đánh giá chung

Đề 12: Phân tích vẻ đẹp của tình người và niềm hi vọng vào cuộc sống ở các nhân vật: Tràng, người vợ, bà cụ Tứ trong truyện ngắn Vợ nhật (Kim Lân)

Đáp án :

1 . MB (0.5 điểm)

Giới thiệu : – Tác giả Kim Lân

– Tác phẩm “ Vợ nhật”, vấn đề nghị luận :vẻ đẹp của tình người và niềm hi vọng vào cuộc sống ở các nhân vật: Tràng, người vợ, bà cụ Tứ

2 . Thân bài: (5.0 điểm)

– Nhận định khái quát: (0.5 điểm)

Vợ nhặt tái hiện một bức tranh cuộc sống rất bi thảm của người nông dân trước Cách mạng tháng Tám nhưng, qua các nhân vật chính trong tác phẩm, tác giả lại cho ta thấy rằng: ngay trong hoàn cảnh khốn cùng, những con người này vẫn không mất đi những nét đẹp vốn có của họ.

– **Phân tích cụ thể:**

Tràng

– Thái độ của Tràng đối với người đàn bà xa lạ đói rách là biểu hiện của tình người đẹp đẽ trong một hoàn cảnh đói nghèo, cùng quẫn: cứu mang người cùng cảnh ngộ (chi tiết Tràng mời người đàn bà một bữa bánh đúc rồi chấp nhận việc chị ta theo mình về nhà dù cảm thấy hơi “chợn”); nảy sinh những tình cảm mới mẻ, những cảm giác lạ lùng (các chi tiết: trên đường về,...). **(0.5 điểm)**

– Sau tình huống nhặt vợ, niềm hi vọng vào cuộc sống đã thể hiện rõ rệt ở Tràng: vui sướng trước hạnh phúc bất ngờ (phân tích ý nghĩa chi tiết mua dầu để thấp, ý nghĩa những cái cười của Tràng: *bật cười, cười tươi...*); gắn bó hơn với gia đình, nghĩ về trách nhiệm của bản thân, nghĩ tới sự đổi thay của cuộc sống dù chưa ý thức đầy đủ (thoảng trong đầu óc Tràng hình ảnh đoàn người đói kéo nhau đi trên đê với lá cờ đỏ phấp phới...). **(1.0 điểm)**

Người vợ nhặt

– Tình cảnh khốn khổ đã không làm mất đi tình người ở nhân vật này. Lúc đầu cái đói làm chị tiêu tụy cả hình hài, không giữ được cả sự e dè vốn có của người phụ nữ. Nhưng từ khi theo Tràng, chị thay đổi hẳn: không còn “chao chát, chỏng lỏn” mà trở thành người “hiền hậu, đúng mực” **(0.5 điểm)**

– Sự trỗi dậy của niềm hi vọng: nhen nhóm, vun đắp tổ ấm hạnh phúc (cùng mẹ chồng sắp xếp, dọn dẹp nhà cửa...); thoảng nghĩ tới một sự thay đổi (nhắc chuyện ở mạn Thái Nguyên, Bắc Giang, người ta không chịu đóng thuế, còn phá kho thóc của Nhật chia cho người đói...). **(0.5 điểm)**

Bà cụ Tứ

– Nhân vật này cho thấy rõ nhất vẻ đẹp của tình người trong tác phẩm *Vợ nhặt*. Vẻ đẹp đó được thể hiện qua thái độ, tình cảm của bà cụ Tứ đối với con trai và con dâu. **(1.0 điểm)**

+ Với Tràng, bà cảm thấy tủi vì làm mẹ mà không giúp gì được cho con, để con phải “nhặt” vợ trong cảnh túng đói. Trong tâm trạng của bà, sự ngạc nhiên, buồn, vui, lo âu... lẫn lộn. Tất cả đều xuất phát từ lòng thương con

+ Với người con dâu, bà không hề rẻ rúng, mà ngược lại, tỏ ra gần gũi, chân tình, xoá đi mặc cảm ở chị (chú ý những câu nói chan chứa yêu thương của bà: “ừ, thôi thì các con đã phải duyên phải kiếp với nhau, u cũng mừng lòng”; “Cốt sao chúng mày hoà thuận là u mừng rồi”; “Chúng mày lấy nhau lúc này, u thương quá...”).

– Người mẹ gần đất xa trời lại là người bộc lộ niềm hi vọng mãnh liệt vào cuộc sống. Bà động viên các con bằng kinh nghiệm sống, bằng triết lí dân gian (*Ai giàu ba họ, ai khó ba đời...*); hướng tới ánh sáng (vui khi thấy Tràng thấp lên ngọn đèn trong căn nhà...); thu xếp lại nhà cửa cho quang quẻ, nề nếp với ý nghĩ đời sẽ khác đi, làm ăn có cơ khấm khá lên; bàn định về tương lai, khơi dậy trong con cái một niềm tin (nghĩ tới việc kiếm tiền mua đôi gà cho nó sinh sôi nảy nở, hi vọng về đời con cháu mình rồi sẽ sáng sủa hơn...). **(1.0 điểm)**

KB (0.5 điểm)

– Khái quát về 3 nhân vật

– Khẳng định phát hiện của Kim Lân về những phẩm chất cao quý của con người trong cảnh ngộ bi thảm. Qua đó, nhà văn bộc lộ cái nhìn hiện thực sắc sảo và tình cảm nhân đạo sâu sắc.

Bài làm

Nạn đói khủng khiếp và dữ dội năm 1945 đã hằn in trong tâm trí Kim Lân-một nhà văn hiện thực có thể xem là con đẻ của đồng ruộng, một con người một lòng đi về với “thuần hậu phong thủy” ấy. Ngay sau Cách mạng, ông đã bắt tay viết ngay tiểu thuyết “Xóm ngụ cư” khi hòa bình lập lại (1954), nổi trăn trở tiếp tục thôi thúc ông viết tiếp thiên truyện ấy. Và cuối cùng, truyện ngắn “Vợ nhặt” đã ra đời. Trong lần này, Kim Lân đã thật sự đem vào thiên truyện của mình một khám phá mới, một điểm sáng soi chiếu toàn tác phẩm. Đó là vẻ đẹp của tình người và niềm hi vọng vào cuộc sống của những người nông dân nghèo tiêu biểu như Tràng, người vợ nhặt và bà cụ Tứ. Thiên truyện thể hiện rất thành công khả năng dựng truyện, dẫn truyện và đặc sắc nhất là Kim Lân đã có khám phá ra diễn biến tâm lý thật bất ngờ.

Trong một lần phát biểu, Kim Lân từng nói “Khi viết về nạn đói người ta thường viết về sự khốn cùng và bi thảm. Khi viết về con người năm đói người ta hay nghĩ đến những con người chỉ nghĩ đến cái chết. Tôi muốn viết một truyện ngắn với ý khác. Trong hoàn cảnh khốn cùng, dù cận kề bên cái chết nhưng những con người ấy không nghĩ đến cái chết mà vẫn hướng tới sự sống, vẫn hi vọng, tin tưởng ở tương lai. Họ vẫn muốn sống, sống cho ra con người”. Và điểm sáng mà nhà văn muốn đem vào tác phẩm chính là ở chỗ đó. Đó chính là tình người và niềm hi vọng về cuộc sống, về tương lai của những con người đang kề cận với cái chết. Bằng cách dẫn truyện, xây dựng lên tình huống “nhặt vợ” tài tình kết hợp với khả năng phân tích diễn biến tâm lý nhân vật thật tinh tế và sử dụng thành công ngôn ngữ nông dân, ngôn ngữ dung dị, đời thường nhưng có sự chọn lọc kỹ lưỡng ấy, nhà văn đã tái hiện lại trước mắt ta một không gian năm đói thật thảm hại, thê lương. Trong đó ngồn ngàng những kẻ sống người chết, những bóng ma vật vờ, lạng lẽ

giữa tiếng hò khóc và tiếng gào thét kinh hoàng của đám quạ. Bằng tấm lòng đôn hậu chân thành nhà văn đã gửi gắm vào trong không gian tối đen như mực ấy những mầm sống đang cố vươn đến tương lai, những tình cảm chân thành, yêu thương bình dị nhưng rất đỗi cao quý ấy và nhà văn đã để những số phận như anh Tràng, người vợ nhật và bà cụ Tứ được thăng hoa trước ngọn cờ đỏ phấp phới cùng đám người đói phá kho thóc Nhật ở cuối thiên truyện.

Có thể nói rằng, Kim Lân đã thật sự xuất sắc khi dựng lên tình huống “nhật vợ” của anh cu Tràng. Tình huống ấy là cánh cửa khép mở để nhân vật bộc lộ nét đẹp trong tâm hồn mình. Dường như trong đói khổ người ta dễ đối xử tàn nhẫn với nhau khi miếng ăn của một người chưa đủ thì làm sao có thể đèo bồng thêm người này người kia. Trong tình huống ấy, người dễ cấu xé nhau, dễ ích kỷ hơn là vị tha và người ta rất dễ đối xử tàn nhẫn, làm cho nhau đau khổ. Nhưng nhà văn Kim Lân lại khám phá ra một điều ngược lại như ở các nhân vật anh cu Tràng, người vợ nhật và bà cụ Tứ. Chúng ta từng kinh hãi trước “xác người chết đói ngập đầy đường”, “người lớn xanh xám như những bóng ma”, trước “không khí vẫn lên mùi hôi của rác rưởi và mùi ngây của xác người”, từng ớn lạnh trước “tiếng qua kêu từng hồi thê thiết” ấy nhưng lạ thay chúng ta thật không thể cảm lòng xúc động trước nghĩa cử cao đẹp mà bình thường, dung dị ấy của Tràng, bà cụ Tứ và cả người vợ của Tràng nữa. Một anh thanh niên của cái xóm ngụ cư ấy như Tràng, một con người – một thân xác vạm vỡ, lực lưỡng mà dường như ngò nghêch thô kệch và xấu xí ấy lại chứa đựng biết bao nghĩa tình cao đẹp. “Cái đói đã tràn đến xóm này tự lúc nào”, vậy mà Tràng vẫn đèo bồng thêm một cô vợ trong khi anh không biết cuộc đời phía trước mình ra sao. Tràng đã thật liêu lĩnh. Và ngay cô vợ Tràng cũng thế. Hai cái liêu ấy gặp nhau kết tụ lại thành một gia đình. Điều ấy thật éo le và xót thương vô cùng. Và dường như lúc ấy trong con người của Tràng kia đã bật lên niềm sống, một khát vọng yêu thương chân thành. Và dường như hẳn đang ngầm chứa một ao ước thiết thực về sự đầm ấm của tình cảm vợ chồng, của hạnh phúc lứa đôi. Hành động của Tràng dù vô tình, không có chủ đích, chỉ tầm phơ tầm phào cho vui nhưng điều ấy cũng hé mở cho ta thấy tình cảm của một con người biết yêu thương, cuu mang, đùm bọc những người đồng cảnh ngộ. Như một lẽ đương nhiên, Tràng đã rất ngỡ ngàng, hẳn đã “sờ sờ”, “ngờ ngộ”, “ngỡ ngàng” như không phải nhưng chính tình cảm của vợ chồng ấy lại củng cố và nhen nhóm ngọn lửa yêu thương và sống có trách nhiệm với gia đình trong hẳn. Tình nghĩa vợ chồng ấm áp ấy dường như làm cho Tràng thay đổi hẳn tâm tính. Từ một anh chàng ngò nghêch, thô lỗ, cộc cằn, Tràng đã sớm trở thành một người chồng thật sự khi đón nhận hạnh phúc của gia đình. Hạnh phúc ấy như một cái gì đó cứ “ôm ấp, mơn man khắp da thịt Tràng tựa hồ như có bàn tay vuốt nhẹ sống lưng”. Tình yêu, hạnh phúc ấy khiến “trong một lúc Tràng dường như quên đi tất cả, quên cả đói rét đang đeo

đuổi, quên cả những tháng ngày đã qua”. Và Tràng đã ước ao hạnh phúc. Mạch sống của một người đàn ông trong Tràng đã trở dậy. Hắn có những thay đổi thật bất ngờ nhưng rất hợp logic. Những thay đổi ấy không gì khác ngoài tâm hồn đôn hậu, chất phác và giàu tình yêu thương hay sao? Trong con người của Tràng khi trở dậy sau khi chào đón hạnh phúc ấy thật khác lạ. Tràng không là anh Tràng ngày trước nữa mà giờ đây đã là một người con có hiếu, một người chồng đầy trách nhiệm dù chỉ trong ý nghĩ. Thấy mẹ chồng nàng dâu quét tước nhà cửa, hắn đã bưng bưng thêm muốn một cảnh gia đình hạnh phúc. “Hắn thấy hắn yêu thương căn nhà của hắn đến lạ lùng”, “hắn thấy mình có trách nhiệm hơn với vợ con sau này”. Hắn cũng xăm xắn ra sân dọn dẹp nhà cửa. Hành động cử chỉ ấy ở Tràng đâu chỉ là câu chuyện bình thường mà đó là sự biến chuyển lớn. Chính tình yêu của người vợ, tình mẹ con hòa thuận ấy đã nhen nhóm trong hắn ước vọng về hạnh phúc, niềm tin vào cuộc sống sẽ đổi thay khi hắn nghĩ đến đám người đói và lá cờ đỏ bay phấp phới. Rồi số phận, cuộc đời của hắn, của vợ hắn và cả người mẹ của hắn nữa sẽ thay đổi. Hắn tin thế.

Nạn đói ấy không thể ngăn cản được ánh sáng của tình người. Đêm tối ấy rồi sẽ qua đi để đón chờ ánh sáng của cuộc sống tự do đang ở phía trước trước sức mạnh của cách mạng. Một lần nữa, Kim Lân không ngần ngại gieo rắc hạnh phúc, niềm tin ấy trong các nhân vật của mình. Người vợ nhặt không phải ngẫu nhiên xuất hiện trong thiên truyện. Thị xuất hiện đã làm thay đổi cuộc sống của xóm ngụ cư nghèo nàn, tăm tối ấy, đã làm cho những khuôn mặt hốc hác, u tối của mọi người rạng rỡ hẳn lên. Từ con người chao chát chỏng lỏn đến cô vợ hiền thực, đảm đang là một quá trình biến đổi. Điều gì làm thị biến đổi như thế? Đó chính là tình người, là tình thương yêu. Thị tuy theo không Tràng về chỉ qua bốn bát bánh đúc và hai câu nói tầm phơ tầm phào của Tràng nhưng chúng ta không khinh miệt thị. Nếu có trách thì chỉ có thể hướng vào xã hội thực dân phong kiến kia bóp nghẹt quyền sống con người. Thị xuất hiện không tên tuổi, quê quán, trong thư thể “vân vê tà áo đã rách bợt”, điệu bộ trông thật thảm hại nhưng chính con người lại gieo mầm sống cho Tràng, làm biến đổi tất cả, từ không khí xóm ngụ cư đến không khí gia đình. Thị đã đem đến một luồng sinh khí mới, sinh khí ấy chỉ có được khi trong con người thị dung chứa một niềm tin, một ước vọng cao cả vào sự sống, vào tương lai. Thị được miêu tả khá ít song đó lại là nhân vật không thể thiếu đi trong tác phẩm. Thiếu thị, Tràng vẫn chỉ là anh Tràng của ngày xưa, bà cụ Tứ vẫn lặng thầm trong đau khổ, cùng cực. Kim Lân cũng thật thành công khi xây dựng nhân vật này để góp thêm tiếng lòng ca ngợi sức sống của vẻ đẹp tình người, niềm tin ở cuộc đời phía trước trong những con người đói khổ ấy. Và thật ngạc nhiên, khi nói về ước vọng ở tương lai, niềm tin vào hạnh phúc, vào cuộc đời người ta dễ nghĩ đến tuổi trẻ như Tràng và người vợ nhưng Kim Lân lại khám phá ra một nét độc đáo vô

cùng: tình cảm, ước vọng ở cuộc đời ấy lại được tập trung miêu tả khá kỹ ở nhân vật bà cụ Tứ. Đến nhân vật này, Kim Lân tỏ rõ ngòi bút vững vàng, già dặn của mình trong bút pháp miêu tả tâm lý nhân vật. Bà cụ Tứ đến giữa câu chuyện mới xuất hiện nhưng nếu thiếu đi nhân vật này, tác phẩm sẽ không có chiều sâu nhân bản. Đặt nhân vật bà cụ Tứ vào trong tác phẩm, Kim Lân đã cho chúng ta thấy rõ hơn ánh sáng của tình người trong nạn đói. Bao giờ cũng thế, các nhà văn muốn nhân vật nổi bật cá tính của mình thường đặt nhân vật vào một tình thế thật căng thẳng. Ở đó dĩ nhiên phải có sự đấu tranh không ngừng không những giữa các nhân vật mà độc đáo hơn là ngay chính trong nội tâm của nhân vật ấy. Bà cụ Tứ là một điển hình. Việc Tràng lấy vợ đã gây một chấn động lớn trong tâm thức người mẹ nghèo vốn thương con ấy. Bà ngạc nhiên ngỡ ngàng trước sự xuất hiện của một người đàn bà trong nhà mình mà lâu nay và có lẽ chưa bao giờ bà nghĩ đến. Hết ngỡ ngàng, ngạc nhiên bà cụ đã “cúi đầu nín lặng”. Cử chỉ, hành động ấy chất chứa bao tâm trạng. Đó là sự đan xen lẫn lộn giữa nỗi tủi cực, nỗi lo và niềm vui nỗi buồn cứ hòa lẫn vào nhau khiến bà thật căng thẳng. Sau khi thấu hiểu mọi điều bà nhìn cô con dâu đang “vân vê tà áo đã rách bợt” mà lòng đầy thương xót. Bà thiết nghĩ “người ta có gặp bước khó khăn này, người ta mới lấy đến con mình, mà con mình mới có được vợ”. Và thật xúc động bà cụ đã nói, chỉ một câu thôi nhưng sâu xa và có ý nghĩa vô cùng: “Thôi, chúng mày phải duyên phải kiếp với nhau u cũng mừng lòng”.

Đói khổ đang vây lấy gia đình bà, cuộc sống của bà sẽ ra sao khi mình đang ngấp nghé trước vực thẳm của cái chết. Nhưng trong tâm thức người mẹ nghèo ấy, đói khổ không phải là vật cản lớn nữa. Đói rét thật nhưng trong lòng mà cụ vẫn sáng lên tấm lòng yêu thương chân thành. Bà thương con, thương dâu và thương cho chính bản thân mình. Bà cụ Tứ từ những nỗi lo, nỗi tủi cực về gia cảnh vẫn không ngừng bùng cháy lên ngọn lửa của tình người. Bà đã giang tay đón nhận đứa con dâu lòng đầy thương xót, trong tủi cực nhưng vẫn ngậm chứa một sức sống thật mãnh liệt. Chính ở người mẹ nghèo khó ấy, ngọn lửa của tình người, tình thương yêu nhân loại ấy bùng cháy mạnh mẽ nhất. Trong bóng tối của đói nghèo đang hùng hổ vây quanh, bà lão vẫn gieo vào lòng những con mình niềm tin về cuộc sống. Bà nhắc đến việc Tràng nên chuẩn bị một cái phên nuôi gà, rồi việc sinh con đẻ cái, bà lão nói toàn truyện vui trong bữa cơm ngày đói thật thảm hại. Bà đã đón nhận hạnh phúc của các con để tự sưởi ấm lòng mình. Đặc biệt chi tiết nỗi cảm ở cuối thiên truyện thể hiện khá rõ ánh sáng của tình người. Nồi chè cám nghẹn bứ cổ và đắng chát ấy lại là món quà của một tấm lòng đôn hậu chất chứa yêu thương. Bà lão “lễ mễ” bưng nồi chè và vui vẻ giới thiệu: “Chè khoán đây. Ngon đáo để cơ”. Ở đây nụ cười đã xen lẫn nước mắt. Bữa cơm gia đình ngày đói ở cuối thiên truyện không khỏi làm chạnh lòng chúng ta, một nỗi xót thương cay đắng cho số

phận của họ song cũng dung chứa một sự cảm phục lớn ở những con người bình thường và đáng quý ấy.

Kim Lân bằng nghệ thuật viết văn già dặn, vững vàng đã đem đến một chủ đề mới trong đề tài về nạn đói. Nhà văn đã khẳng định ánh sáng của tình người thật thành công ở ba nhân vật. Điều làm chúng ta trân trọng nhất chính là vẻ đẹp của tình người và niềm hi vọng vào cuộc sống một cách mạnh mẽ nhất ở những thân phận nghèo đói, thảm hại kia. Ba nhân vật: Tràng, vợ Tràng và bà cụ Tứ cùng những tình cảm, lẽ sống cao đẹp của họ chính là những điểm sáng mà Kim Lân từng trần trở trong thời gian dài để thể hiện sao cho độc đáo một đề tài không mới. Tác phẩm đã thể hiện thành công nghệ thuật miêu tả tâm lý nhân vật, khả năng dựng truyện và dẫn truyện của Kim Lân-một nhà văn được đánh giá là viết ít nhưng tác phẩm nào cũng có giá trị là vì lẽ đó.

“Cái đẹp cứu vớt con người” (Đôxtôiépki). Vâng, “vợ nhặt” của nhà văn Kim Lân thể hiện rõ sức mạnh kì diệu ấy. Ánh sáng của tình người, lòng tin yêu vào cuộc sống là con nguồn mạch giúp Kim Lân hoàn thành tác phẩm. Ông đã đóng góp cho văn học Việt Nam nói chung, về đề tài nạn đói nói riêng một quan niệm mới về lòng người và tình người. Đọc xong thiên truyện, dấu ấn mạnh mẽ nhất trong tâm hồn bạn đọc chính là ở điểm sáng tuyệt vời ấy.

Đề 13 : Đề bài: Nói về truyện ngắn Vợ Nhặt, nhà văn Kim Lân tâm sự “ Cái đói hành hạ tất cả mọi người nhưng không át được sức sống đơn sơ trong tâm hồn họ. Đói. Nó vừa cay đắng, vừa đốn đau, đồng thời một mặt nào đó lại lóe lên những tia sáng về đạo đức, danh dự. Truyện ngắn Vợ Nhặt khai thác khía cạnh sau cùng của các bi kịch đó”.

Bằng những hiểu biết về truyện ngắn Vợ Nhặt của nhà văn Kim Lân, hãy giải thích và làm sáng tỏ ý kiến trên.

Bài làm:

Bài viết của bạn Cao Thị Mơ, cộng tác viên của website

Mở bài: Kim Lân là cây bút chuyên viết về nông thôn và đời sống của người nông dân Việt Nam trước cách mạng tháng Tám. Truyện ngắn Vợ Nhặt được coi là đứa con tinh thần tiêu biểu nhất của nhà văn Kim Lân viết về hiện thực nạn đói năm 1945, đồng thời thể hiện khát vọng, niềm tin bất diệt của người dân lao động. Khi kể về quá trình sáng tác truyện ngắn nhà văn Kim Lân chia sẻ: “Cái đói hành hạ tất cả mọi người . . . khai thác khía cạnh sau cùng của bi kịch đó”.

Truyện ngắn Vợ Nhặt có tiền thân là tiểu thuyết “Xóm ngụ cư” được nhà văn Kim

Lân ấp ủ và viết từ trước cách mạng tháng Tám, khi cách mạng nổ ra thì bản thảo đã bị thất lạc và còn dang dở. Thế nhưng cảnh tượng và những con người năm đói luôn hằn sâu trong tâm trí Kim Lân, ngay sau khi hòa bình lập lại ông đã nhớ lại cốt truyện của tiểu thuyết và viết lại thành truyện ngắn Vợ Nhật. Tác phẩm được in trong tập “Con chó xấu xí” xuất bản năm 1962.

Lời tâm sự của nhà văn Kim Lân vừa là chìa khoá để người đọc hiểu nội dung tác phẩm : đây là truyện ngắn miêu tả nạn đói khủng khiếp năm 1945, vừa khẳng định vẻ đẹp tâm hồn, phẩm chất và danh dự của những người nông dân trong nạn đói. Mặc dù lấy bối cảnh là nạn đói năm 1945 nhưng Kim Lân không nhấn mạnh vào cái nghèo, cái khổ, mà thông qua cái đói, ông ngợi ca vẻ đẹp và sức sống kì diệu của con người.

Cái đói hành hạ tất cả mọi người, nó vừa cay đắng, vừa đốn đau: “Người chết như ngã rạ. Không một buổi sáng nào người trong làng đi chợ, đi làm đồng không gặp ba, bốn cái thây nằm còng queo bên đường”. Hình ảnh người sống thì có tới hai lần được ví với những bóng ma: “họ đội chiếu lũ lượt bồng bế, dắt díu nhau lên xanh xám như những bóng ma, nằm ngổn ngang khắp các lều chợ” rồi “dưới những gốc đa, gốc gạo xù xì, bóng những người đói đi lại lặng lẽ như những bóng ma”. Cái đói còn được miêu tả gián tiếp qua hình ảnh “ngã tư xóm chợ về chiều lại càng xơ xác, heo hút”, “hai bên dãy phố úp xúp, tối om, không nhà nào có ánh đèn ánh lửa”. Không khí thì “vẩn lên mùi ẩm thối của rác rưởi và mùi gây của xác người”, mùi đốt đồng râm khét lẹt. Và âm thanh của bức tranh cuộc sống ấy là tiếng khóc hờ và tiếng quạ kêu từng hồi thê thiết. Chỉ bằng vài chi tiết nhỏ dưới ngòi bút của nhà văn Kim Lân đã hiện lên bức tranh xóm ngụ cư ngày đói vừa cay đắng lại vừa đốn đau.

Cái đói hành hạ tất cả mọi người. Cái đói khiến anh Tràng trở nên thô kệch, ủ rũ . Nó khiến thị trở thành người đàn bà chao chát, chông lòn, kém duyên. Khi gặp Tràng lần thứ hai trên tỉnh, thị ở đâu sầm sập chạy tới trách cứ Tràng, khi được Tràng mời ăn thì thị đã “ngồi sà xuống ăn liền một chặp bốn bát bánh đúc chẳng chuyện trò gì” và theo không Tràng về. Cái đói khiến bà cụ Tứ xuất hiện với dáng vẻ tảo tần, húng hắng ho.

Cái đói hành hạ tất cả mọi người nhưng không át được sức sống đơn sơ trong tâm hồn họ. Khác hẳn với những nhà văn cùng thời, khi viết về cái đói họ thường viết về cái thê thảm, cái khốn cùng của con người trong nạn đói nhưng Kim Lân khi viết về đề tài này ông lại khai thác khía cạnh sau cùng của những bi kịch đó. Trên nền hiện thực tăm tối ấy, Kim Lân đã phát hiện và trân trọng phẩm giá con người, ngòi bút nhân đạo của nhà văn đã cho ta thấy sức sống đơn sơ nhưng vô cùng mãnh liệt trong tâm hồn người lao động, làm lóe lên những tia sáng về đạo đức, danh dự.

Tràng ngỡ ý đưa thị về ở cùng trong cảnh “tối sầm lại vì đói khát”. Tràng “chọn nghĩ” rồi “chặt kê” đưa thị về ở cùng với vẻ mặt phớn phở, vênh lên tự đắc trong đại nạn đói trước cặp mắt tò mò của dân xóm ngụ cư. Điều này xuất phát từ khao khát hạnh phúc đã có từ lâu trong Tràng, đồng đó cũng là sự đùm bọc, che chở của anh đối với những người đồng cảnh ngộ và những số phận bất hạnh. Điều đó đã thổi một làn gió mát vào xóm ngụ cư khiến những khuôn mặt hốc hác, u tối của họ rạng rỡ hẳn lên.

Khao khát hạnh phúc đã làm Tràng thay đổi rất nhiều, thay đổi từ cách ăn nói đến suy nghĩ rồi đến hành động. Khi gặp thị trên tỉnh Tràng đã tỏ ra là một anh Tràng cực kì lịch sự và hào phóng: Tràng mời thị “hãy ngồi xuống ăn miếng giầu cái đã”, rồi “đấy, muốn ăn gì thì ăn”, lại còn vỗ vỗ vào túi “rích bố cu”. Khi thừa chuyện với bà cụ Tứ Tràng lại trở thành một người ăn nói cực kì khéo léo và thông minh “Nhà tôi nó về làm bạn với tôi đấy u ạ! Chúng tôi phải duyên, phải kiếp với nhau . . . chẳng qua nó cũng là cái số cả”. Trong buổi sáng ngày hôm sau Tràng trở thành con người hoàn toàn khác, hẳn thấy hẳn nên người, thấy có bồn phận lo lắng cho vợ và con sau này, hẳn muốn làm một việc gì đó để tu sửa lại căn nhà. Tràng đã thực sự thay đổi, thực sự trưởng thành.

Nhân vật thị nhờ cảm nhận được tình cảm của Tràng và bà cụ Tứ mà trở thành người phụ nữ hiền hậu đúng mực, người vợ đảm đang, người con dâu biết cư xử đúng mực. Trên đường theo Tràng về nhà thị cũng rón rén, e thẹn như người dâu mới về nhà chồng: “cái nón rách tàng nghiêng nghiêng che khuất đi nửa mặt” rồi “chân nọ bước dúi cả vào chân kia”. Khi thấy gia cảnh nhà Tràng cũng dùm đó, xiêu vẹo thị đã “nén một tiếng thở dài” nghĩa là thị chấp nhận, thấu hiểu cảnh ngộ của Tràng để cùng Tràng bắt đầu một cuộc sống mới. Trong buổi sáng ngày hôm sau, thị đã cùng mẹ chồng thức dậy sớm dọn dẹp và chuẩn bị bữa cơm đầu tiên. Dưới bàn tay của thị thì ngôi nhà của Tràng đã mang dáng dấp của một ngôi nhà hạnh phúc. Khi bà cụ Tứ bê lên món “chè khoán ngưng thực chất là “cháo cám”, đón lấy bát “chè khoán” từ tay bà cụ, mắt thị đã “tối lại” nhưng vẫn “điềm nhiên” và miếng cám đắng chát, nghẹn bứ vào trong miệng.

Bà cụ Tứ trước cảnh con mình có được vợ thì “cái mặt búng beo u ám hàng ngày rạng rỡ hẳn lên”. Người mẹ thương con ấy có tấm lòng thơm thảo, bà không bi lụy mà lạc quan. Khi Tràng bất ngờ đưa thị về ra mắt, trong cảnh đói khát, khó khăn bà không quở trách mà còn đồng ý cho thị và Tràng nên vợ nên chồng trong sự hài lòng, mãn nguyện. Bà không hề có sự rẻ khinh, coi thường đối với thị, ngược lại bà còn đề cao thị, điều đó xuất phát từ tình thương, sự thấu hiểu những người đồng cảnh ngộ. Trong bữa cơm ngày đói thảm hại bà cụ kể toàn những chuyện vui, những chuyện làm ăn sung sướng về sau khiến không khí bữa cơm rất vui vẻ. Bà bê món “chè khoán” nhưng thực chất là cháo cám lên vừa múc cho các con ăn, vừa cười vừa khen ngon đáo để đã khiến cho thị dù “tối mắt lại” nhưng vẫn điềm nhiên

và vào miệng. Khi các con bà bắt đầu bước đi trên con đường đời mới, bà đã động viên, an ủi, gieo vào đầu các con niềm tin, ánh nhìn lạc quan vào một tương lai tươi sáng.

Kết thúc tác phẩm là hình ảnh đám người đói đi trên đê Sộp, phía trước có lá cờ đỏ sao vàng. Kim Lân cho ta hình dung ngay sau đó Tràng sẽ đến với cách mạng, sẽ tham gia vào đoàn người đói đi phá kho thóc Nhật chia cho dân nghèo. Đến với cách mạng không chỉ là con đường cho Tràng, thị hay bà cụ Tứ mà đó còn là lối thoát chung cho những người nông dân khốn khó trước cách mạng.

Đói nghèo có thể đe dọa sự sống của người dân lao động nhưng không thể dập tắt tình người, niềm tin vào cuộc sống của họ. Rõ ràng ngay trên bờ vực của cái đói nghèo, của cái chết, người lao động vẫn vui sống, vẫn yêu thương đùm bọc nhau hướng về sự sống, vẫn lạc quan, tin tưởng vào tương lai.

Từ giá trị hiện thực và nhân đạo của tác phẩm, nhà văn đã thể hiện được quan điểm, tư tưởng của mình về khát vọng và số phận của người nông dân Việt Nam.

Đề 14 :Đề dành cho học sinh giỏi : Cái nhìn về người nông dân trong văn học trước và sau Cách mạng tháng Tám 1945 qua hai tác phẩm: *Chí Phèo* của Nam Cao và *Vợ Nhật* của Kim Lân.

Hướng dẫn

Nêu và trình bày khái quát về vấn đề cần nghị luận

– Đề tài người nông dân trong văn học trước và sau Cách mạng tháng Tám 1945 và cái nhìn của các nhà văn, tiêu biểu qua hai tác phẩm: “*Chí Phèo*” của Nam Cao và “*Vợ Nhật*” của Kim Lân.

– Giải thích khái niệm “*cái nhìn về người nông dân*” để xác định nội dung vấn đề nghị luận: là thái độ, tư tưởng, tình cảm của nhà văn khi khám phá và phản ánh về số phận và tâm hồn người nông dân.

– Lược thuật hai tác phẩm: “*Chí Phèo*” của Nam Cao và “*Vợ nhật*” của Kim Lân. Cái nhìn của các nhà văn về người nông dân vừa có điểm tương đồng vừa có điểm khác biệt.

Những điểm tương đồng của hai nhà văn về người nông dân:

– Cái nhìn đồng cảm, xót thương cho số phận cùng khổ. Phân tích số phận của nhân vật Chí Phèo và các nhân vật trong *Vợ nhật* (Tràng, bà cụ Tứ, người vợ nhật) để làm rõ.

– Cái nhìn phát hiện, trân trọng những phẩm chất cao đẹp trong tâm hồn. Phân tích bản tính lương thiện và niềm khát khao làm người lương thiện của Chí Phèo, phẩm chất người của Thị Nở; tấm lòng nhân ái của bà cụ Tứ, khát vọng sống và hạnh phúc của Tràng và người vợ nhật để làm rõ.

– Thái độ phê phán đối với xã hội Thực dân – phong kiến đã xô đẩy người nông dân đến tình cảnh khốn cùng. Phân tích bộ mặt xã hội nông thôn Việt Nam với các thế lực đã xô đẩy Chí Phèo trong truyện “Chí Phèo”; phân tích nguyên nhân xã hội đã đẩy người nông dân đến tình cảnh nạn đói trong “Vợ nhặt”

Điểm khác biệt trong cái nhìn về người nông dân của Nam Cao và Kim Lân, cũng là sự vận động, đổi mới của văn học giữa hai thời kỳ:

– Cái nhìn của Nam Cao thể hiện sự bi quan và bế tắc trong vấn đề người nông dân. Phân tích ý nghĩa cái chết của Chí Phèo, chi tiết kết thúc tác phẩm (liên hệ đến những tác phẩm khác của Nam Cao, Nguyễn Công Hoan, Ngô Tất Tố, Nguyên Hồng...). Đây là sự hạn chế do sự chi phối của thời đại.

– Cái nhìn của Kim Lân thể hiện sự lạc quan, tin tưởng vào tương lai và về sự thay đổi về số phận người nông dân. Phân tích việc Tràng lách vợ, những thay đổi của các nhân vật, những dự định của bà cụ Tứ, hình ảnh lá cờ đỏ sao vàng và đoàn người phá kho thóc Nhật (liên hệ các tác phẩm của Tô Hoài, Nguyễn Khải, Nguyễn Văn Bổng, Đào Vũ...). Đây là sự thay đổi theo sự vận động chung của lịch sử xã hội và sự thay đổi của số phận người nông dân sau Cách mạng.

Đánh giá chung: Cái nhìn về người nông dân trong tác phẩm của Nam Cao và Kim Lân nói riêng, trong văn học hiện thực trước và sau Cách mạng tháng Tám nói chung đều thể hiện tinh thần nhân đạo sâu sắc và mới mẻ.

Lưu ý: Thí sinh có thể trình bày theo những cách khác nhau, song cần đáp ứng được đầy đủ những ý cơ bản trên và không mắc các lỗi về lập ý, lập luận và diễn đạt. Ưu tiên những bài làm có tính sáng tạo.